VG PIPE®

ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC

VIETNAM GERMANY STEEL PIPE.J.S.C

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

ĐẲNG CẤP CHÂU ÂU

VGS®
ISO 9001: 2015

ỐNG THÉP VIỆT ĐỨC

01 THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HĐQT VG PIPE

02 THÔNG TIN CHUNG VỀ VG PIPE

03 ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

04 BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

05 BÁO CÁO CỦA HĐQT

06 BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

07 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

08 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, các đơn vị đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên (CBNV)

Năm 2020 là một năm đầy thách thức, khó khăn và bất ổn do dịch bệnh COVID-19 gây ra, với những thay đổi mạnh mẽ tới cuộc sống của hàng tỷ người trên toàn thế giới, cũng như tác động tới môi trường kinh doanh, ảnh hưởng trực tiếp tới toàn bộ nền kinh tế.

Là một doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thép, VGS cũng không nằm ngoài tác động từ Covid - 19 tới nhiều lĩnh vực sản xuất kinh doanh. Các dự án đầu tư, xây dựng hạ tầng đều bị gián đoạn do giản cách xã hội cũng như do tâm lý dịch bệnh chưa có hồi kết nên các Chủ đầu tư cẩn trọng từng bước trong việc đầu tư kinh doanh của mình. Mặt khác, Bình Xuyên – Vĩnh Phúc là nơi phát ra ổ dịch Covid 19 đầu tiên tại Việt Nam, do vậy những tháng đầu năm 2020 VGS gặp rất nhiều khó khăn từ dịch Covid 19 đem lại.

Trước tình hình đó, Ban lãnh đạo Thép Việt Đức vẫn kiên định đi theo chiến lược kinh doanh tập trung vào 2 mảng chính: (1) Tập trung chính vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh Ống thép; Tôn mạ kẽm và Thép xây dựng; (2) Tập trung triển khai công tác GPMB và hoàn thiện các hồ sơ thủ tục pháp lý liên quan đến Dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City. Chính sự kiên định đó đã giúp VGS giữ vững tốc độ phát triển và hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

Để chinh phục được những chuẩn mực chất lượng quốc tế, Thép Việt Đức luôn giữ cho mình những nguyên tắc vàng trong sản xuất kinh doanh: (1) Chuyên nghiệp - Tiêu chuẩn hóa là Giá trị cốt lõi; (2) Đoàn kết - Hợp tác tạo nên Sức mạnh; (3) Nâng cao Chất lượng là yếu tố làm nên Giá trị thương hiệu; (4) Tận tâm - Uy tín với tất cả các khách hàng, đối tác chính là Giá trị bền vững; (5) Lợi nhuận - Hiệu quả là Giá trị căn bản và đảm bảo nguyên tắc 3 nhất: (1) Chất lượng tốt nhất; (2) Giá bán hợp lý nhất; (3) Dịch vụ hoàn hảo nhất.

Chính nhờ đó VGS đã gây dựng được niềm tin cho khách hàng, đối tác, chủ đầu tư, nhà thầu thi công trong và ngoài nước. Sản phẩm mang thương hiệu Thép Việt Đức đã được ghi nhận và đánh giá cao, trở thành được lựa chọn hàng đầu về cung cấp thép cho các dự án lớn trên lãnh thổ Việt Nam

Bên cạnh hoạt động cốt lõi là cung cấp các sản phẩm thép VGS đã và sẽ vươn cao, vươn xa và mở rộng lĩnh vực kinh doanh với các Dự án bất động sản lớn đã thực hiện như Tòa nhà FINANCIAL BUIDING; Khu vui chơi giải trí tại Thành phố Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc; Trung tâm Thương mại và Văn phòng cho thuê tại Mê Linh, Hà Nội. Đặc biệt, dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City đang nhanh chóng được triển khai với quy mô 62ha tại Vĩnh Phúc, với kiến trúc hiện đại mang phong cách Châu Âu, không gian xanh tạo nên một quần thể hoàn hảo đáng mong chờ, có thể nói đây là dự án mang cột mốc quan trọng đánh dấu sự phát triển vượt bậc của VGS

Thay mặt HĐQT; Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể CBCNV Công ty, tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc vì sự tin tưởng, ủng hộ của Quý cổ đông; đối tác khách hàng trong suốt nhiều năm qua. Hy vọng trong thời gian tới Thép Việt Đức tiếp tục nhận được sự hợp tác hơn nữa các Quý vị.

Trân trọng cảm ơn

Thay mặt HĐQT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Lê Minh Hải

Phần 1

Thông tin chung

TRỤ SỞ CHÍNH

KCN Bình Xuyên, huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

(+84) 211.3 887 863

(+84) 211.3 888 562

vgpipe.com.vn

THÔNG TIN CƠ BẢN

Tên giao dịch	: CTCP ỐNG THÉP VIỆT ĐỨC VG PIPE
Tên tiếng Anh	: Vietnam Germany Steel Pipe JSC
Tên viết tắt	: VG PIPE
Số ĐKKD	: 2500267703
Cấp ngày	: 31/01/2007
Đơn vị cấp	: Sở KH và ĐT Tỉnh Vĩnh Phúc
Vốn điều lệ	: 421.115.890.000 đồng.
Trụ sở chính	: KCN Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Điện thoại	: 0211. 3887 863
Fax	: 0211. 3888562
Website	: vgpipe.com.vn
Tài khoản	: 4261 00000 55252
Tại NH	: BIDV – CN Phúc Yên
Mã số thuế	: 2500267703

Biểu tượng Công ty:

VG PIPE®

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Mã cổ phiếu	: VGS
Sàn niêm yết	: HNX
Ngày niêm yết	: Tháng 12/2008
Số cổ phần	: 42.111.589 cổ phần

THÔNG TIN TRỤ SỞ CHÍNH VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

Trụ sở chính

Địa chỉ: KCN Bình Xuyên, TT Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Văn phòng đại diện tại Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 3 Tòa nhà SIMCO, 28 Phạm Hùng, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Văn phòng đại diện tại Đà Nẵng

Địa chỉ: Quốc lộ 1 A, Hòa Châu, Hòa Vang, Đà Nẵng

Văn phòng đại diện tại Miền Nam

Địa chỉ: Bến Lức, Long An

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Sản xuất các loại ống thép, ống inox;

Sản xuất các sản phẩm từ thép;

Sản xuất két bạc, tủ sắt, két sắt;

Sản xuất các cấu kiện cho thép xây dựng;

Luyện gang, thép;

Sản xuất thép không gỉ, inox;

Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình TM, dân dụng;

Dựng, lắp kết cấu thép và bê tông đúc sẵn;

Kinh doanh dịch vụ khách sạn;

Kinh doanh dịch vụ ăn uống;

Kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách, vận tải hàng hóa;

Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế;

Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh;

Môi giới thương mại;

Đại lý mua bán, ký gửi hàng;

Kinh doanh bất động sản, QSDĐ thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá Quyền sử dụng đất

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

- Sản xuất Ống thép hàn đen
- Sản xuất Ống thép Tôn mạ
- Sản xuất Ống thép mạ kẽm nhúng nóng
- Sản xuất Tôn cán nguội
- Sản xuất Tôn mạ kẽm
- Sản xuất thép xây dựng

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN

Hiện nay VG PIPE có 03 dự án cụ thể:

- ❖ Tòa nhà Tài chính VIETDUC FINANCIAL BUIDING tại Vĩnh Yên là Tòa nhà cho thuê văn phòng và căn hộ.
- ❖ Tòa nhà Văn phòng và Trung tâm thương mại tại Mê Linh, mục đích cho thuê văn phòng.
- ❖ Dự án Khu đô thị Việt Đức Legen City với quy mô 62ha

Các cột mốc
PHÁT TRIỂN QUAN TRỌNG

2002

Nhà máy Ống thép Việt Đức VG PIPE được thành lập tại KCN Bình Xuyên, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Ngày 29/01/2007 chuyển đổi sang Công ty cổ phần, đã phát hành tăng vốn và trở thành Công ty đại chúng. Tháng 12/2008 thành lập Công ty con VDS

2007

2008

Ngày 20/11/08 cổ phiếu VGPIPE niêm yết tại HNX mã CP là VGS. Ngày 4/12/08 giao dịch trên HNX Tháng 12/08: tăng vốn 70 tỷ lên 125,997 tỷ đồng

2009

Niêm yết bổ sung **25 triệu cổ phiếu** trên HNX. Tổng cổ phiếu VGPIPE lưu hành 37.599.710cp, mệnh giá 10.000đ/cp.

2011

Phát hành tăng vốn từ **125,997 tỷ** lên **375,997 tỷ đồng** qua đấu giá.
Góp vốn để thành lập Cty liên kết VGS, chuyên sản xuất thép xây dựng.

2010

Công ty đã triển khai xây dựng Toà nhà Vietduc Financial building tại thành phố Vĩnh Yên, được chia thành 2 khối văn phòng và căn hộ

2012

Công ty đã chính thức có kho hàng tại Miền Trung với diện tích cả văn phòng làm việc và hệ thống kho bãi gần 5.000m2

2014

Công ty triển khai mở rộng dự án sản xuất Tôn mạ kẽm và đầu tư mới thêm 5 dây chuyền sản xuất Ống tôn mạ kẽm

2013

Công ty đã đưa dây chuyền sản xuất Tôn mạ kẽm thứ 2 và 3 đi vào hoạt động. Thay thế 04 dây truyền sản xuất ống thép cũ.

2016

Nhà máy sản xuất Thép chế tạo thuộc Công ty liên kết đi vào hoạt động và đánh dấu năng lực sản xuất của toàn tập đoàn lên đến 1.300.000 tấn/năm.

2017

Công ty mở rộng Dự án Thép chế tạo thêm quy mô 3,2ha nhằm xây dựng hệ thống nhà điều hành và phụ trợ

2018

Công ty đã triển khai xây dựng Trung tâm thương mại và cho thuê văn phòng đối với khu đất tại xã Quang Minh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội.Tổng diện tích thi công 12.800m2 bao gồm 1 tầng hầm và 7 tầng nổi.

2018

Công ty triển khai việc thực hiện xây dựng dự án Việt Đức Legend City giai đoạn một với diện tích 25ha

2018

Dự án Trung tâm thương mại và căn hộ cho thuê tại Mê Linh đã đầu tư xây dựng hoàn thành và đưa vào sử dụng. Hiện đã cho thuê lấp đầy 100%

2019

Tăng vốn điều lệ từ việc chia cổ tức năm 2017 bằng cổ phiếu và Công ty đã niêm yết bổ sung cổ phiếu trên HNX. Cổ phiếu VGS đang lưu hành là 42.111.589 cổ phần.

2020

Dự án VietDuc Legend City đã được UBND tỉnh Vĩnh Phúc giao đất đợt 1 của giai đoạn 1 với diện tích được giao trên 10ha. Hiện nay đang làm thủ tục xác định tiền sử dụng đất và các hồ sơ để liên quan để triển khai xây dựng

2020

Thép Việt Đức thật vô cùng tự hào đón nhận danh hiệu Đơn vị Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới của Đảng và Nhà nước trao tặng

Thông tin Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT ĐỨC

Địa chỉ: KCN Bình Xuyên, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng

Số cổ phần: 8.000.000 cổ phần

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ có quyền biểu quyết: 99,92%

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất Tôn mạ kẽm và Tôn cán nguội.

Thông tin Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THÉP VIỆT ĐỨC

Địa chỉ: KCN Bình Xuyên, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Vốn điều lệ: 304.065.000.000 đồng

Số cổ phần: 30.406.500 cổ phần

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ có quyền biểu quyết: 28,6%

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất thép chất lượng cao và Chế tạo

THÔNG TIN

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN ĐIỀU HÀNH

BAN KIỂM SOÁT

Ông Lê Minh Hải
Chủ tịch HĐQT

Ông Nguyễn Hữu Thể
Thành viên HĐQT

Bà Nguyễn Thị Nhi
Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Vinh Tuyên
Thành viên HĐQT

Ông Lê Quốc Khánh
Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Trọng Đắc
Thành viên HĐQT

Ông Ngô Vi Anh Tú
Thành viên HĐQT

Ông Bùi Văn Hiệu
Thành viên HĐQT

Họ tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
Lê Minh Hải	Chủ tịch HĐQT	8.500.000	20,18
Nguyễn Hữu Thể	Thành viên HĐQT	1.292.540	3,07
Nguyễn Thị Nhi	Thành viên HĐQT	2.358.720	5,60
Nguyễn Vinh Tuyên	Thành viên HĐQT	100.800	0,24
Lê Quốc Khánh	Thành viên HĐQT	2.170.000	5,15
Nguyễn Trọng Đắc	Thành viên HĐQT	0	0,00
Ngô Vi Anh Tú	Thành viên HĐQT	38.080	0,09
Bùi Văn Hiệu	Thành viên HĐQT	0	0,00

Thông tin
BAN ĐIỀU HÀNH

Ông LÊ MINH HẢI
CHỦ TỊCH HĐQT

Bà NGUYỄN THỊ NHI
Thành viên HĐQT
Phó Tổng Giám đốc

Ông NGUYỄN HỮU THỂ
Thành viên HĐQT
TỔNG GIÁM ĐỐC

Bà NGUYỄN THỊ THÚY
TP.Kế toán Tài Chính

Thông tin
BAN KIỂM SOÁT

BAN KIỂM SOÁT

Ông NGUYỄN VĂN LỘC
Trưởng ban
Số cổ phần nắm giữ: 0cp
Tỷ lệ nắm giữ: 0%

Ông LÊ QUÝ MINH
Thành viên
Số cổ phần nắm giữ: 0cp
Tỷ lệ nắm giữ: 0%

Bà NGUYỄN THỊ HOA
Thành viên
Số cổ phần nắm giữ: 0cp
Tỷ lệ nắm giữ: 0%

Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE được thành lập năm 2002 trên diện tích gần 30 ha tại KCN Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Năm 2008, Cổ phiếu của Thép Việt Đức chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội mã giao dịch VGS.

Tổng quan
THÉP VIỆT ĐỨC

DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ

THÉP VIỆT ĐỨC xác định chất lượng sản phẩm chính là yếu tố cốt lõi làm nên sức mạnh, giá trị thương hiệu của doanh nghiệp, là sự bảo đảm tốt nhất lòng trung thành của khách hàng. Để hiện thực hóa mục tiêu này, ngay từ những ngày đầu thành lập, Thép Việt Đức đã đầu tư xây dựng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 giúp kiểm soát chặt chẽ quy trình trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như việc kiểm soát chất lượng dịch vụ tới khách hàng. Không những thế Thép Việt Đức không ngừng đầu tư công nghệ tiên tiến, kỹ thuật hiện đại của các nước Châu Âu, Nhật bản với tỷ lệ tự động hóa rất cao, mở rộng quy mô sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm đáp ứng đầy đủ nhu cầu thị trường. Tất cả các sản phẩm của Thép Việt Đức đều được sản xuất theo các tiêu chuẩn của các quốc gia có nền công nghiệp vật liệu phát triển như Anh quốc, Hoa Kỳ; Nhật Bản; Hàn Quốc và tiêu chuẩn của Việt Nam. Duy trì tốc độ phát triển và hiệu quả với con số đầy ấn tượng cùng với quy mô mở rộng trên 30ha và năng lực sản xuất đạt con số 1.300.000 tấn/năm đây chính là tiền đề để Thép Việt Đức tự tin tham gia vào các dự án lớn trọng điểm mang tầm cỡ quốc gia.

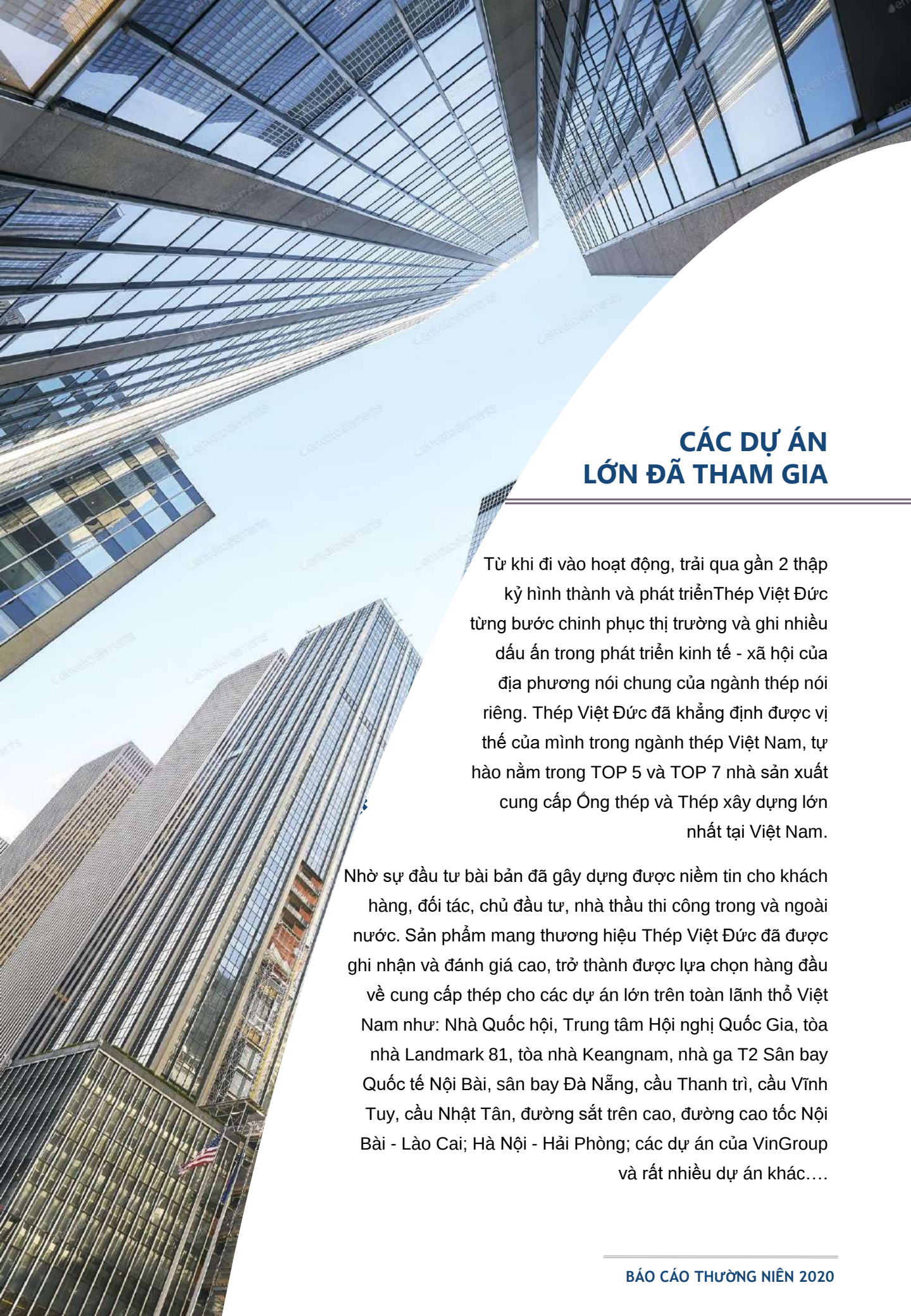

CÁC DỰ ÁN LỚN ĐÃ THAM GIA

Từ khi đi vào hoạt động, trải qua gần 2 thập kỷ hình thành và phát triểnThép Việt Đức từng bước chinh phục thị trường và ghi nhiều dấu ấn trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nói chung của ngành thép nói riêng. Thép Việt Đức đã khẳng định được vị thế của mình trong ngành thép Việt Nam, tự hào nằm trong TOP 5 và TOP 7 nhà sản xuất cung cấp Ống thép và Thép xây dựng lớn nhất tại Việt Nam.

Nhờ sự đầu tư bài bản đã gây dựng được niềm tin cho khách hàng, đối tác, chủ đầu tư, nhà thầu thi công trong và ngoài nước. Sản phẩm mang thương hiệu Thép Việt Đức đã được ghi nhận và đánh giá cao, trở thành được lựa chọn hàng đầu về cung cấp thép cho các dự án lớn trên toàn lãnh thổ Việt Nam như: Nhà Quốc hội, Trung tâm Hội nghị Quốc Gia, tòa nhà Landmark 81, tòa nhà Keangnam, nhà ga T2 Sân bay Quốc tế Nội Bài, sân bay Đà Nẵng, cầu Thanh trì, cầu Vĩnh Tuy, cầu Nhật Tân, đường sắt trên cao, đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai; Hà Nội - Hải Phòng; các dự án của VinGroup và rất nhiều dự án khác….

TẦM NHÌN

Tạo dựng một tập đoàn sản xuất Thép hàng đầu Việt Nam mang thương hiệu
"THÉP VIỆT ĐỨC – ĐẲNG CẤP CHÂU ÂU"

SỨ MỆNH

ĐỐI VỚI THỊ TRƯỜNG

Cung cấp các sản phẩm - dịch vụ với chất lượng Châu Âu phù hợp với nhu cầu thị hiếu người tiêu dùng. Sản phẩm - dịch vụ luôn đẳng cấp, đón đầu và chiếm lĩnh thị trường, mang lại cho các đối tác, khách hàng sự hài lòng, thành công.

ĐỐI VỚI ĐỐI TÁC VÀ CỔ ĐÔNG

Đề cao tinh thần hợp tác cùng phát triển, luôn là người đồng hành uy tín của các đối tác và cổ đông, phấn đấu gia tăng các giá trị đầu tư tốt và bền vững.

ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN

Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo và nhân văn, tạo điều kiện thu nhập cao và cơ hội phát triển công bằng cho tất cả nhân viên.

ĐỐI VỚI XÃ HỘI

Hài hòa lợi ích doanh nghiệp với lợi ích xã hội, đóng góp tích cực vào các hoạt động hướng về cộng đồng, thể hiện tinh thần trách nhiệm công dân và niềm tự hào dân tộc.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

CHUYÊN NGHIỆP TIÊU CHUẨN HÓA

Chuyên nghiệp và tiêu chuẩn hoá là giá trị cốt lõi của văn hoá doanh nghiệp

LỢI NHUẬN HIỆU QUẢ

Lợi nhuận và hiệu quả" là giá trị căn bản của hoạt động sản xuất kinh doanh

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG

Nâng cao Chất lượng trong từng sản phẩm, dịch vụ và lĩnh vực hoạt động

ĐOÀN KẾT HỢP TÁC

Đoàn kết và Hợp tác tạo nên sức mạnh Công ty

TẬN TÂM UY TÍN

Tận tâm và Uy tín đối với mọi khách hàng và đối tác

CÁC DỰ ÁN
BẤT ĐỘNG SẢN CỦA VGS

Dự án

KHU ĐÔ THỊ VIỆT ĐỨC LEGEND CITY

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

Tên dự án : **Khu đô thị Việt Đức Legend City**
Địa chỉ :Thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc
Chủ đầu tư : **Công ty Ống thép Việt Đức VG PIPE**
Quy mô dự án : 62ha
Quy mô thực hiện giai đoạn 1: 25ha.

TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Giai đoạn I: Từ QI/2020 đến QIV/2023 thực hiện các công việc: GPMB, giao đất, chuẩn bị đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và công trình kiến trúc. Cụ thể:

Lập thẩm định phê duyệt hò sơ điều chỉnh chấp thuận đầu tư dự án. Lập thẩm định, phê duyệt điều chỉnh dự án. Thực hiện giao đất giai đoạn I, lập thẩm định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, cấp phép xây dựng; Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật từ Quý I/2020 đến Quý I/2021.

Năm 2020 đã được UBND Tỉnh Vĩnh Phúc có quyết định giao đất lần 1 của giai đoạn I với diện tích trên 10ha và dự án vẫn đang tiếp tục triển khai công tác GPMB và xin giao đất lần 2 của giai đoạn I.

Xây dựng công trình khu nhà ở thấp tầng (LK-BT): Dự kiến Quý I/2020 đến Quý I/2022.Xây dựng khu nhà ở cao tầng, thương mại dịch vụ, nhà ở xã hội, trạm y tế, nhà trẻ, nhà văn hóa, dịch vụ công cộng: Dự kiến QI/2022 đến QIV/2023

Địa điểm xây dựng

Dự án Trung tâm thương mại và nhà ở cho thuê được xây dựng trên diện tích 2.720m2 tại Km9 đường Bắc Thăng Long – Nội Bài, Thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội.

Quy mô đầu tư dự án

Tổng diện tích đất: 2.720m2; Diện tích đất lưu không 4.500m2; Diện tích xây công trình 1.825m2. Diện tích các hạng mục phụ trợ như sân vườn, đường nội bộ, cây xanh và các hạng mục phụ trợ khác là 895m2

Các hạng mục công trình

Diện tích sàn xây dựng: 1.825m2; Tổng số tầng: 07 tấng nối và 1 tầng hầm. Diện tích sàn từ tầng hầm - tầng 3: 7.300m2; Từ tầng 4 đến tầng 7: 5.200m2. Tổng cộng 12.500 m2 diện tích xây dựng; Mật độ xây dựng : 57%.

Hiện nay tòa nhà đã cho Trung tâm dưỡng lão Kaigo của Nhật Bản thuê với thời hạn thuê 15 năm của khối Tòa nhà từ tầng 2 trở lên và tầng 01 cho Công ty kinh doanh phân phối xe huyndai thuê làm cửa hang trưng bày và giới thiệu sản phẩm

Dự án
TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI VÀ NHÀ Ở CHO THUÊ

VG PIPE®

Tòa nhà
TÀI CHÍNH VIỆT ĐỨC

Địa điểm xây dựng: Phường Liên Bảo, TP. Vĩnh yên, tỉnh Vĩnh Phúc

Diện tích đất: 1.520m2. Chiều cao: 07 tầng. Bao gồm 02 khối nhà để sử dụng cho 2 mục đích khác nhau: 01 khối là khu căn hộ cao cấp và 01 khối là khu Văn phòng cho thuê.

Hiện tại khu căn hộ đã cho thuê đạt 100%. Khu văn phòng tập trung cho các Công ty như Ngân hàng; bảo hiểm; Kiểm toán và các Công ty đầu tư tài chính, hiện đã cho thuê 100%

Một số dự án lớn
SỬ DỤNG THÉP VIỆT ĐỨC

Royal City

Time City

Cao tốc Hà Nội - Hải Phòng

Cao tốc Hà Nội - Lào Cai

Formosa Hà Tĩnh

Sam Sung Thái Nguyên

Cầu Nhật Tân

Cầu Đông Trù

CÁC RỦI RO BÊN NGOÀI
VÀ
RỦI RO BÊN TRONG

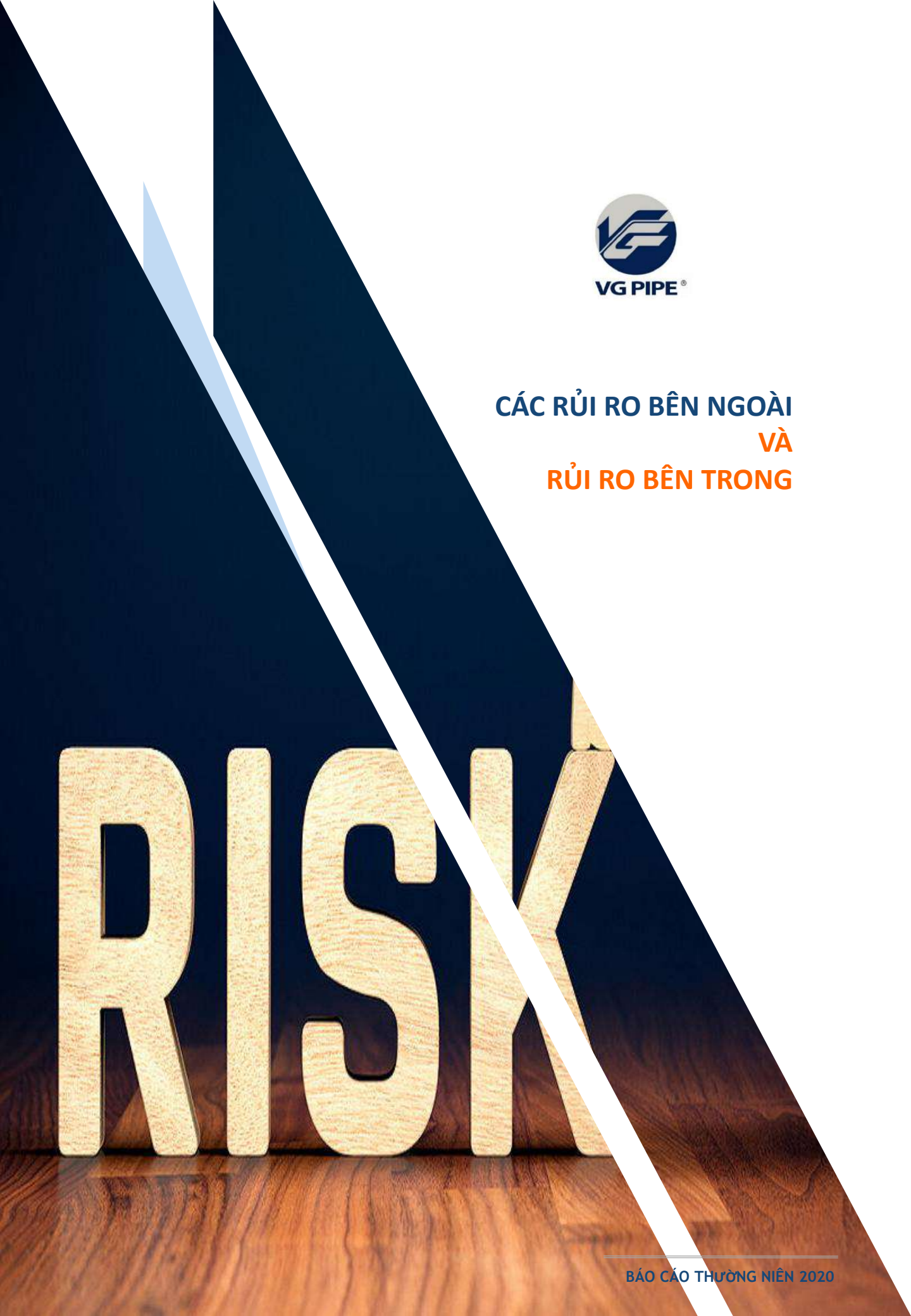

RỦI RO KINH TẾ

Trong năm 2021, kinh tế Việt Nam dự kiến vẫn phải đối mặt với những rủi ro, thách thức từ cả bên ngoài và từ nội tại nền kinh tế, trong đó đặc biệt là những diễn biến dịch bệnh vẫn còn phức tạp. Đại dịch Covid-19 vẫn là rủi ro lớn nhất đối với kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng trong năm 2021.

Rủi ro, thách thức từ bên ngoài gồm:

(i) Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, khó lường, vẫn chưa được kiểm soát tại nhiều nước, nhiều khu vực, từ đó ảnh hưởng tới khả năng hồi phục của kinh tế thế giới, thương mại và đầu tư toàn cầu;

(ii) Cạnh tranh chiến lược; căng thẳng thương mại và công nghệ giữa các nước lớn còn diễn ra dai dẳng và khó dự đoán; (iii) Tình hình căng thẳng địa chính trị phức tạp, chủ nghĩa dân tộc cực đoan, xu thế bảo hộ gia tăng; (iv) thiên tai, lũ lụt ảnh hưởng tới khả năng phục hồi kinh tế toàn cầu; (v) rủi ro nợ công, thâm hụt ngân sách tại hầu hết tất cả các nước; rủi ro bất ổn tài chính toàn cầu, có thể dẫn đến bong bóng tài sản tài chính.

Rủi ro từ nội tại:

(i) Nền kinh tế có độ mở cao (tổng giá trị xuất khẩu và nhập khẩu/GDP năm 2020 ở mức 200%), tham gia sâu vào chuỗi sản xuất cung ứng toàn cầu nên dễ chịu tác động từ bên ngoài, đặc biệt là khi tình hình đại dịch Covid-19 diễn biến còn phức tạp trên phạm vi toàn cầu dù vắc xin bước đầu được đưa vào sử dụng; đặc biệt là việc Việt Nam bị Mỹ gắn mác thao túng tiền tệ có thể ảnh hưởng tiêu cực tới xuất khẩu và sản xuất trong nước;

(ii) Cải cách thể chế còn chậm, chưa đáp ứng được yêu cầu đòi hỏi của thị trường; tiến độ cải thiện môi trường đầu tư, cắt giảm các điều kiện kinh doanh còn chậm; thủ tục đăng ký kinh doanh - khởi nghiệp còn phức tạp, thủ tục hành chính trong các lĩnh vực đất đai, thuế, bảo hiểm xã hội, quản lý thị trường, giao thông vận tải, kiểm tra chuyên ngành hải quan... chậm được cải thiện; tính minh bạch, dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp còn cần nhiều cải thiện…

(iii) Tái cơ cấu nền kinh tế còn chậm (quá trình cổ phần hóa, thoái vốn còn chậm và nhiều vướng mắc và hiệu quả đầu tư công chưa thực sự cải thiện rõ rệt), một phần do ảnh hưởng của đại dịch; rủi ro nợ xấu tăng cao trong năm 2021 do độ trễ của dịch bệnh .

(iv) Thu hút vốn đầu tư nước ngoài gặp thách thức trong bối cảnh dòng vốn FDI toàn cầu dự kiến sẽ chỉ tăng trưởng ở mức vừa phải;

(v) Khả năng chống chịu với các cú sốc, đặc biệt là các cú sốc bên ngoài còn thấp;

(vi) thâm hụt ngân sách (ở mức 4,1% GDP trong năm 2020 theo GDP chưa đánh giá lại) và nợ công gia tăng (dù hiện vẫn dưới mức giới hạn 65%GDP); áp lực trả nợ gốc và lãi trong năm 2021 lớn;

(vii) Cơ sở hạ tầng chưa hoàn thiện và chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam còn chưa cao ảnh hưởng tới môi trường kinh doanh, sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Rủi ro chính sách:

Kể từ ngày 1/7/2020, 12 luật chính thức có hiệu lực thi hành. Cũng trong năm 2020, 17 luật được thông qua tại Kỳ họp thứ 9 và Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIV. Đây là những Luật quan trọng, có tác động lớn đến đời sống xã hội của nước ta nói chung và ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Hòa Phát nói riêng. Theo sau các Luật là hệ thống Nghị định, Thông tư hướng dẫn đã và sắp ban hành, đòi hỏi Hòa Phát phải luôn bám sát sự thay đổi trong từng quy định để vận dụng kịp thời.

Rủi ro thương mại quốc tế:

Không chỉ lao đao vì dịch bệnh, thép xuất khẩu còn đối diện với hàng loạt nguy cơ các vụ kiện phòng vệ thương mại khi ra thị trường thế giới, khiến cho ngành thép Việt Nam phải đối mặt với khó khăn kép trong năm 2020. Xu thế bảo hộ trên thị trường quốc tế vẫn chưa có dấu hiệu giảm nhiệt, thị trường bất động sản, xây dựng trong nước chưa có tín hiệu khởi sắc.

Rủi ro nhân sự:

Với gần 1.000 CBCNV đến từ các vùng miền trên cả nước, tuổi đời lao động trẻ, biến động về nhân sự luôn là vấn đề cần đặc biệt quan tâm giải quyết. Trong khi lĩnh vực sản xuất thép luôn đòi hỏi lượng lớn lao động kỹ thuật có chuyên môn và tay nghề cao, hệ thống đào tạo của Việt Nam trong lĩnh vực cơ khí chế tạo lại chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế.

BÁO CÁO
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng quan
KINH TẾ VIỆT NAM 2020

Bối cảnh tình hình kinh tế - xã hội trong năm 2020 phải trải qua nhiều biến động lớn, bất ổn và khó khăn:

Đại dịch COVID-19 bùng phát và lan rộng khắp toàn cầu đã khiến bức tranh kinh tế thế giới năm 2020 hết sức u ám. Giãn cách xã hội do dịch bệnh làm trì trệ việc thông thương hàng hóa, gây ảnh hưởng đến xuất nhập khẩu. Nhiều doanh nghiệp rơi vào tình trạng gián đoạn, tạm dừng hoạt động. Sự bùng phát của dịch bệnh đã làm thay đổi hoàn toàn phương thức kinh doanh ổn định từ trước đến nay. mDịch bệnh COVID-19 bùng phát từ cuối năm 2019 tạo ra những tác động chưa từng có tiền lệ đối với kinh tế thế giới nói chung và kinh tế trong nước nói riêng.

Thiên tai hạn hán, mưa bão, lũ lụt diễn ra trên diện rộng, liên tục trong nhiều tháng đã gây thiệt hại lớn cho đời sống của người dân và tình hình kinh tế - xã hội cả nước, gián tiếp làm suy giảm nhu cầu tiêu thụ tại thị trường nội địa.

Căng thẳng thương mại giữa các nền kinh tế, tuy không tiếp tục leo thang, nhưng vẫn chưa có dấu hiệu hạ nhiệt, làm ảnh hưởng hoạt động cung ứng, sản xuất hàng hóa trên thế giới.

Tăng trưởng kinh tế giảm so với các năm do ảnh hưởng từ dịch bệnh và thiên tai, bão lũ. Do các tác động khách quan, các ngành bất động sản, xây dựng có dấu hiệu chậm lại, gây ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm VLXD.

Mặc dù vậy, với sự điều hành linh hoạt của Chính phủ và các Bộ ngành, cũng như nỗ lực của các doanh nghiệp, tình hình kinh tế - xã hội trong nước có một số điểm sáng thuận lợi:

Đại dịch COVID-19 tại Việt Nam đã được kiểm soát tốt. Giãn cách xã hội từng bước được dỡ bỏ. Các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đã phát huy tác dụng. Tính đến cuối năm 2020, nền kinh tế đang trên đà phục hồi, nhu cầu tiêu thụ tăng trưởng trở lại.

Tuy tăng trưởng kinh tế bị ảnh hưởng, nhưng các chỉ số vĩ mô cơ bản vẫn cho thấy sự ổn định. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) giảm. Lạm phát được kiểm soát. Thị trường tiền tệ ổn định. Vốn đầu tư công vào các dự án xây dựng cơ bản, hạ tầng được giải ngân đúng tiến độ, góp phần tạo ra nhu cầu đối với các sản phẩm VLXD.

Đánh giá NGÀNH THÉP VIỆT NAM 2020

Thị trường ngành thép trong năm 2020 tuy có khởi sắc so với 02 năm trước đây, nhưng nhìn chung vẫn còn nhiều bất ổn, khó lường.

Giá thép nguyên liệu tiếp tục biến động phức tạp do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, gây tác động đến chi phí mua nguyên liệu phục vụ sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp thép.

Chính sách bảo hộ sản xuất nội địa, phòng vệ thương mại tại các thị trường xuất khẩu tiếp tục duy trì và có xu hướng gia tăng, làm ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp.

Thị trường nội địa tiếp tục cạnh tranh khốc liệt. Các doanh nghiệp thép phải đối mặt với nhiều vấn đề, trong đó nổi bật là: Công suất sản xuất dư thừa; Thiên tai, bão lũ, dịch bệnh làm ảnh hưởng, gián đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh; Tình trạng hàng giả, hàng nhái gia tăng; Sản lượng thép giá rẻ, kém chất lượng vẫn được nhập khẩu ồ ạt vào Việt Nam.

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT – BÁN HÀNG TOÀN NGÀNH THÉP NĂM 2020

Bán hàng thép các loại đạt hơn 23.449.038 tấn, tăng 1,4% so cùng kỳ năm 2019. Trong đó: Ống thép đạt 2,5 triệu tấn tăng 8,8% so năm 2019; Thép xây dựng đạt 10,47 triệu tấn bằng 98,8% so năm 2019.

Sản xuất thép các loại đạt hơn 25.944.047 tấn, tăng 2,7% so cùng kỳ năm 2019. Trong đó tăng trưởng sản xuất các sản phẩm thép đều tăng từ 4-12%, trừ thép xây dựng giảm nhẹ 4,2%

Xuất khẩu thép các loại đạt 4.559.845 tấn, giảm 0,7% so cùng kỳ năm 2019. Trong đó: Ống thép đạt 0,3 triệu tấn giảm 5% so năm 2019; Thép xây dựng đạt 1,47 triệu tấn tăng 6,9% so năm 2019

Bảng tổng hợp
Tình hình sản xuất bán hàng thép thành phẩm toàn ngành năm 2020

ĐVT: Triệu tấn

Ngành hàng	Sản xuất	Bán hàng	Xuất khẩu	% so năm 2019		
				Sản xuất	Bán hàng	Xuất khẩu
Thép xây dựng	10,11	10,47	1,47	95,8	98,8	106,9
HRC	4,45	4,29	0,74	107,8	104,7	102,6
Thép cán nguội	4,44	2,17	0,45	112,5	94,8	58,1
Tôn mạ KL & SPM	4,44	3,93	1,62	104,3	104,4	113,8
Ống thép	2,50	2,59	0,28	105,4	108,8	95,0
Tổng cộng	**25,94**	**23,45**	**4,56**	**102,7**	**101,4**	**99,3**

VỊ THẾ VÀ THỊ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT ĐỨC NĂM 2020 TRONG NGÀNH THÉP VIỆT NAM

Ống thép Việt Đức nằm trong TOP 5 đơn vị sản xuất và tiêu thụ ống thép trong nước lớn nhất tại Việt Nam với thị phần 6,74%.

Vị thế của Ống thép Việt Đức đã được duy trì giữ vững trong suốt nhiều năm qua, mặc dù thị trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt. Nhiều nhà máy mới ra đời và nguồn hang từ nước ngoài nhập về vẫn không ngừng gia tăng.

Điều này chứng minh Thương hiệu Ống thép Việt Đức đã được các khách hang, người tiêu dunbgf và các chủ đầu tư đánh giá cao về Chất lượng – Giá bán – dịch vụ trên thị trường Việt Nam hiện nay

VỊ THẾ VÀ THỊ PHẦN THÉP XÂY DỰNG VIỆT ĐỨC NĂM 2020 TRONG NGÀNH THÉP VIỆT NAM

Đối với Thép xây dựng của Thép Việt Đức, mặc dù là những đơn vị tham gia muộn trong ngành thép, nhưng bằng sự đầu tư công nghệ, nâng cao chất lượng dịc vụ trước và sau bán hàng cũng như thương hiệu được xây dựng trên nền tảng vững chắc nên Thép xây dựng của Công ty cũng nằm trong TOP 7 đơn vị sản xuất và tiêu thụ Thép xây dựng lớn nhất tại Việt Nam, chiếm thị phần xấp xỉ 5%.

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020 CỦA VGS

Trong năm 2020, mặc dù phải trải qua những giai đoạn bất ổn của tình hình kinh tế - xã hội nói chung và thị trường ngành thép nói riêng, HĐQT đã chỉ đạo Ban Điều hành, các đơn vị trực thuộc phải linh hoạt, sáng tạo trong việc điều hành hoạt động SXKD, nhằm củng cố nền tảng ổn định, vượt quá các khó khăn, thử thách. Kết thúc năm 2020, với sự nỗ lực của HĐQT và Ban Điều hành, Công ty đã ghi nhận kết quả kinh doanh thắng lợi, tăng trưởng so với các năm tài chính trước.

Công ty mẹ

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	% so cùng kỳ
Tổng doanh thu thuần	Tỷ đồng	4.121,5	4.053,5	98,35
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	60,7	82,7	136,2
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	48,4	66,0	136,4

Nguồn BCTC năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty AASC

Hợp nhất Toàn Công ty

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	% so cùng kỳ
Tổng doanh thu thuần	Tỷ đồng	6.854,7	6.669,7	97,3
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	90,8	124,6	137,2
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	75,2	102,9	136,8

Nguồn BCTC năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty AASC

TÌNH HÌNH TÀI SẢN HỢP NHẤT

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2020 so 2019	Tỷ trọng năm 2019	Tỷ trọng năm 2020
Tài sản ngắn hạn	1.341.860	1.304.533	97,2%	76,3%	76,5%
Tài sản dài hạn	417.037	400.566	96,1%	23,7%	23,5%
Tổng Tài sản	**1.758.897**	**1.705.099**	**96,9%**	**100%**	**100%**

Nguồn BCTC năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty AASC

Tình hình tài sản trong năm 2020 không có nhiều biến động, tổng tài sản có mức giảm 3,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó Tài sản ngắn hạn giảm 2,8%; Tài sản dài hạn giảm 3,9% so với cùng kỳ năm trước.

Nguyên nhân chủ yếu năm 2020 giảm so năm 2019 cả về Tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn là do: Năm 2020 Công ty đã thu được một phần công nợ khó đòi nên khoản dự phòng phải thu khó đòi từ 32,7 tỷ đến 31/12/2020 còn 14,9 tỷ đồng. Công nợ phải thu do Công ty quản lý tốt nên công nợ phải tu cuối năm 2019 là 899 tỷ đồng và 31/12/2020 còn 793 tỷ đồng giảm 11,5% trong khi doanh thu giảm hơn 1%

Đối với Tài sản dài hạn do năm 2020 gần như Tài sản dài hạn không có biến động tăng chỉ có biến động giảm do trích khấu hao TSCĐ theo quy định, do vậy tài sản dài hạn bị giảm 3,9% so cùng kỳ.

TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN HỢP NHẤT

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2020 so 2019	Tỷ trọng 2019	Tỷ trọng 2020
Nợ phải trả	1.065.816	947.936	88,9%	60,6%	55,6%
Vốn chủ sở hữu	693.081	757.163	109,2%	39,4%	44,4%
Tổng Nguồn vốn	**1.758.897**	**1.705.099**	**96,9%**	**100%**	**100%**

Nguồn BCTC năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty AASC

Tình hình Nguồn vốn trong năm 2020 cũng không có nhiều biến động, Tổng nguồn vốn giảm 3,1% so với cùng kỳ năm trước. Giảm chủ yếu là nợ phải trả giảm 11,1% do Công ty quản lý tốt dòng tiền nên vòng quay công nợ phải thu nhanh dẫn đến việc vay vốn ngân hang giảm đi rõ rệt.

Doanh thu – Lợi nhuận 5 năm liền kề

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Doanh thu	4.551	5.980	6.920	6.837	6.670
Lợi nhuận sau thuế	82	71	44	75	103

Một số chỉ tiêu về Lưu chuyển tiền tệ

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	(149.876)	303.945
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	Tỷ đồng	(49.847)	(8.955)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	Tỷ đồng	192.504	(284.405)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	Tỷ đồng	(7.219)	10.585
Tiền và tương đương tiền đầu năm	Tỷ đồng	20.625	13.405
Tiền và tương đương tiền cuối năm	Tỷ đồng	13.405	23.990

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020 CỦA VGS

VỀ CÔNG TÁC SẢN XUẤT

Sửa chữa, bảo dưỡng, nâng cấp thường xuyên hệ thống máy móc thiết bị, nâng cao sản lượng và chất lượng sản phẩm…Ý thức tiết kiệm tiêu hao trong sản xuất được nâng cao.

Lấy Chất lượng sản phẩm làm mục tiêu phát triển bền vững của Công ty vì thế trong năm 2019 Công ty đã tập trung đầu tư, cải tạo để chất lượng ngày càng nâng cao.

VỀ CÔNG TÁC KINH DOANH

Mạng lưới khách hàng được phủ khắp. Chính sách bán hàng linh hoạt, xử lý kịp thời. Bám sát diễn biến thị trường để ứng phó nhanh trong công tác bán hàng; Chủ động mở rộng thị trường, nâng cao sản lượng bán hàng. Công tác Marketting, quảng bá thương hiệu được phát huy hiệu quả

VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN

Chủ động trong việc tìm các tổ chức tín dụng có lãi suất thấp, năng lực tốt để vay vốn. Đốc thúc công nợ để thu hồi vốn nhanh, giảm chi phí tài chính. Sử dụng linh hoạt, tối ưu dòng tiền trong sản xuất kinh doanh

CÔNG TÁC LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG

Sắp xếp lại nhân sự trong công ty nhằm nâng cao hiệu quả trong công việc. Chăm lo đời sống cho CBCNV như nâng lương, đóng BHXH, BHYT..bảo hiểm con người kết hợp 24/24. Triển khai tập huấn an toàn lao động và phòng chống cháy nổ trong toàn Công ty.

CÔNG TÁC ĐOÀN THỂ - CÔNG TÁC KHÁC

Đảng bộ chú trọng công tác xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh. Là Đảng bộ trong sạch, vững mạnh tiêu biểu của tỉnh.

Công đoàn đã tổ chức thành công Hội thao toàn công ty. Công đoàn tổ chức thăm hỏi động viên kịp thời CBCNV và người thân của CBCNV bị ốm đau, hoạn nạn,...

Với sự nỗ lực không ngừng của Tập thể CBCNV Công ty trong suốt thời gian qua. Năm 2020 VGS vinh dự tự hào được Đảng và Nhà nước phong tặng Danh hiệu Anh Hùng Lao Động Thời Kỳ Đổi mới

Đánh giá chung năm 2020

Nhìn chung tổng quan kết quả đạt được năm 2020 là sự nỗ lực của toàn thể Ban lãnh đạo; tập thể người lao động vì một mục tiêu phát triển lâu dài, bền vững của VGS.

Công tác quản lý tài chính, bảo toàn và phát triển vốn được thực hiện đúng chế độ, chính sách, quy định của Nhà nước, Pháp luật về tài chính.

Quản lý tốt các nguồn thu/chi của Công ty và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế nghiêm túc đầy đủ. Công tác làm thị trường được Ban lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm và thích ứng kịp thời trong năm đại dịch COVID-19.

Chiến lược làm thị trường trong toàn Công ty được nâng tầm thêm bên cạnh việc "giữ vững khách hàng hiện tại và mở thêm khách hàng mới. Mở rộng tiếp thị sâu rộng đến đối tượng Khách hàng của các Khách hàng.

Năm 2020 kinh doanh có hiệu quả, doanh thu và lợi nhuận đều đạt và vượt so với kế hoạch đề ra.

Thương hiệu Công ty ngày càng được nhiều Khách hàng/ tổ chức tài chính/ Công ty cùng ngành nghề trong và ngoài nước biết đến và đặt mối quan hệ hợp tác cũng như là trở thành cổ đổng của Công ty.

Người lao động được đảm bảo việc làm; thu nhập ổn định. Công tác an sinh xã hội; trách nhiệm với cộng đồng được thực hiện tốt

VG PIPE®

Tổ chức NHÂN SỰ

Xác định **"CON NGƯỜI LÀ CHÌA KHÓA CỦA THÀNH CÔNG",** là yếu tố then chốt quyết định sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, VG PIPE đã xây dựng được một đội ngũ cán bộ quản lý chuyên môn cao, kinh nghiệm và lực lượng nhân viên giàu nhiệt huyết, được đào tạo bài bản. Đây chính là động lực giúp VG PIPE vượt qua khó khăn, vững bước trên chặng đường phía trước. VG PIPE chú trọng việc xây dựng chính sách nhân sự và môi trường làm việc lành mạnh nhằm tạo điều kiện cho người lao động có thể phát huy tốt nhất khả năng của mình.

THỜI GIAN LÀM VIỆC

Chế độ làm việc: Thời gian làm việc của Công ty, ngày làm 8 tiếng từ 8h đến 17h (1 tiếng nghỉ trưa) từ thứ 2 đến thứ 7. Khi có yêu cầu công việc người lao động có thể làm thêm giờ, thời gian làm thêm giờ và lương thêm giờ được đảm bảo theo đúng Bộ luật lao động và Thỏa ước lao động tập thể. Công ty sẽ tạo việc làm cho người lao động thông qua việc định hướng phát triển của Công ty. Công ty sẽ sử dụng nguồn lao động tối ưu nhất và cam kết luôn tạo điều kiện cho nhân viên phát triển và thăng tiến trong nghề nghiệp.

Nghỉ phép, lễ tết: Cán bộ công nhân viên được nghỉ lễ và tết theo quy định của Bộ luật lao động và được hưởng nguyên lương. Những CBCNV làm việc từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép theo chế độ.

ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ

Tại VG PIPE, tùy theo từng vị trí cụ thể sẽ có những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả cán bộ nhân viên trong Công ty đều đáp ứng yêu cầu: có trình độ chuyên môn, có tinh thần trách nhiệm và tinh thần kỷ luật cao. Ban lãnh đạo Công ty ghi nhận, đánh giá hiệu quả làm việc và năng lực của cán bộ, nhân viên nhằm phát huy tính sáng tạo. Chính sách nhân sự luôn được coi trọng và cải tiến thường xuyên nhằm tạo ra môi trường làm việc tích cực, cạnh tranh lành mạnh, thân thiện gắn kết.

CHẾ ĐỘ LƯƠNG THƯỞNG PHÚC LỢI

Chế độ lương: Công ty thực hiện việc chi trả lương cho CBCNV đối với khối gián tiếp dựa vào cấp công việc của nhân viên, chức vụ, năng lực theo thang bảng lương và điều kiện kinh doanh của Công ty, còn đối với Bộ phận kinh doanh trả lương theo sản lượng bán hàng, khối trực tiếp sản xuất thì trả theo lương sản phẩm. Công ty thực hiện chế độ nâng lương cho CBCNV hàng năm và có sự quan tâm thường xuyên đến thu nhập, đời sống của CBCNV.

Chế độ thưởng: Nhằm khuyến khích động viên CBCNV trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng thiết thực, phúc lợi đảm bảo đầy đủ. Mặc dù năm qua ngành thép gặp nhiều khó khăn nhưng cuối năm Công ty vẫn giải quyết cho người lao động lương tháng thứ 13 và có chính sách thưởng cho các cá nhân, bộ phận đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bảo hiểm và phúc lợi: Công ty tham gia đầy đủ chế độ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho CBCNV. Ngoài ra Công ty còn mua bảo hiểm con người kết hợp 24/24 cho toàn bộ CBCNV trong Công ty. Mỗi năm Công ty kết hợp với Công đoàn tổ chức cho CBCNV tham quan nghỉ mát trong nước 01 lần/năm.

HĐQT nhận định, thị trường ngành thép 2021 tuy có khởi sắc nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều bất ổn, khó lường. Thêm vào đó, diễn biến phức tạp của dịch bệnh, cộng với sự bất ổn của tình hình kinh tế - xã hội có thể đe dọa gây ảnh hưởng đến hoạt động ổn định của các doanh nghiệp. Tuy nhiên, xét ở góc độ nội tại, Công ty đã có những bước cải thiện mạnh mẽ về tình hình tài chính và tình hình sản xuất kinh doanh.

Đối với hoạt động quản trị - điều hành:

Củng cố hiệu quả quản trị, kiểm soát toàn Công ty trên tinh thần tinh gọn bộ máy, tiết giảm chi phí, thông qua các giải pháp sau:

Tiếp tục hoàn thiện bộ máy hoạt động từ Công ty mẹ đến các Công ty con, Nhà máy, các Văn phòng đại diện trên cơ sở phát huy hiệu quả quản trị, điều hành, kiểm soát trong toàn hệ thống.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của toàn Công ty, song song với việc sắp xếp, phân bổ lại cơ cấu hàng, hệ thống khách hàng phân phối từng VPĐD, đồng thời đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá thương hiệu trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

Củng cố hiệu quả quản trị, kiểm soát trên cơ sở thiết lập và áp dụng các định mức, chỉ tiêu, chính sách, cơ chế lương thưởng hợp lý, linh hoạt.

Củng cố, khai thác một cách có hiệu quả đối trong hoạt động sản xuất kinh doanh, trên tinh thần đảm bảo sự tối ưu, tinh gọn và minh bạch trong các hoạt động SXKD. Nghiên cứu, mô hình quản lý bằng hệ thống công nghệ thông tin ứng dụng trong sản xuất.

Tìm các đối tác có năng lực, uy tín trên thị trường BĐS để hợp tác đầu tư triển khai dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City giai đoạn 1.

Đối với hoạt động kinh doanh:

Tiếp tục củng cố, phát huy hiệu quả kinh doanh của Công ty thông qua các giải pháp sau:

Quy hoạch và sắp xếp lại chiến lược kinh doanh theo hướng tập trung vào các dòng sản phẩm có tiềm năng tạo ra biên lợi nhuận tốt vào ổn định.

Theo dõi chặt chẽ, bám sát và nắm bắt nhanh chóng những diễn biến của thị trường, đặc biệt trong giai đoạn khó khăn hiện nay, để đưa ra những giải pháp ứng phó một cách hữu hiệu và kịp thời.

Củng cố và tăng cường thế mạnh tại thị trường nội địa thông qua việc mở rộng và vận hành hệ thống phân phối một cách hiệu quả, tăng sản lượng tiêu thụ nội địa kết hợp với việc nâng cao năng lực cung ứng và chất lượng dịch vụ, khẳng định vị thế thống lĩnh trên thị trường..

Mở rộng thị trường xuất khẩu, song song với việc tiết giảm các khoản chi phí nâng cao tính cạnh tranh, đảm bảo hiệu quả và lợi nhuận, đứng vững trước những bất ổn của thị trường.

Thực hiện các giải pháp tiết giảm các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh, nhằm đảm bảo lợi nhuận và hiệu quả kinh doanh của Công ty. Thiết lập Chính sách kinh doanh ổn định hiệu quả gắn liền công tác quản trị, kiểm soát rủi ro, giám sát tuân thủ và tối ưu chi phí ở tất cả các đơn vị trực thuộc trong Thép Việt Đức

Đối với hoạt động sản xuất – cung ứng:

Tối ưu hóa năng lực sản xuất; nâng cao chất lượng sản phẩm; bố trí hợp lý, hiệu quả và chuyên nghiệp đối với hoạt động cung ứng, thông qua các giải pháp sau:

Củng cố hiệu quả quản trị sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm; Đảm bảo ATLĐ, phòng chống cháy nổ; Ứng phó hiệu quả với các sự cố thiên tai, môi trường.

Khai thác, vận hành hiệu quả các Dự án Nhà máy sản xuất đã hoàn thành. Thường xuyên triển khai bảo trì, bảo dưỡng để tăng hiệu suất hoạt động của các Nhà máy.

Nghiên cứu, cải tiến, sáng kiến kỹ thuật để hoàn thiện công nghệ, quy trình vận hành đối với các dây chuyền, máy móc thiết bị.

Củng cố lợi thế cạnh tranh của Công ty trong hoạt động cung ứng thông qua việc tận dụng, tối ưu hóa lợi thế về vị trí địa lý và điều kiện phân bổ của hệ thống đơn vị sản xuất và đơn vị kinh doanh của Công ty trên toàn quốc.

Đảm bảo sự nhanh chóng, kịp thời và tiết kiệm chi phí trong hoạt động cung ứng nguyên vật liệu, hàng hóa, thành phẩm để phục vụ hoạt động SXKD.

Tăng cường tiết giảm tiêu hao nguyên vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, công cụ dụng cụ, phụ tùng thay thế nhưng vẫn đảm bảo chất lượng thành phẩm đầu ra, góp phần hạ giá thành sản phẩm.

Đối với hoạt động đầu tư, chiến lược

Tiếp tục kết hợp với các cơ quan ban ngành trong tỉnh Vĩnh Phúc để triển khai công tác GPMB giai đoạn I phần diện tích còn lại của Dự án Việt Đức Legend City.

Tập trung hoàn thiện các hồ sơ pháp lý liên quan đến việc xây dựng của Dự án. Thực hiện hoàn thiện hồ sơ xin giao đất.

Lựa chọn các nhà thầu, thi công để triển khai xây dựng Dự án khi đã hoàn thành các thủ tục pháp lý.

Lựa chọn các tổ chức tín dụng, các nhà đầu tư, đối tác để triển khai huy động vốn, đưa ra phương án thi công, phân phối sản phẩm trên cơ sở đem lại hiệu quả cao nhất cho Công ty.

Tím kiếm thêm một số Dự án quy mô nhỏ kinh doanh về lĩnh vực Khách sạn hoặc căn hộ cho thuê để cùng đầu tư hoặc mua lại để Công ty đứng ra vận hành với mục tiêu đã dạng ngành nghề cũng như đem lại hiệu quả cho Công ty.

Tìm kiếm, làm việc với các đối tác trong việc xúc tiến hợp tác/chuyển nhượng một phần dự án Khu độ thị Việt Đức Legend City

Đối với hoạt động phát triển nguồn nhân lực:

Tập trung củng cố nâng cao chất lượng, nghiệp vụ, trình độ, kỹ năng, trách nhiệm của đội ngũ nhân lực, đảm bảo bộ máy nhân sự được sắp xếp một cách tinh gọn, hiệu quả, chuyên nghiệp, phù hợp với văn hóa Công ty.

Đảm bảo ổn định tinh thần và động lực làm việc của người lao động, đặc biệt trong giai đoạn diễn biến bất ổn như hiện nay.

Đào tạo đội ngũ quản lý từ cấp Trưởng/Phó phòng; Ban Tổng Giám đốc; Giám đốc các VPĐD; Giám đốc các Nhà máy thông qua các khoá học tại Công ty; các chương trình đào tạo trong nước và các khóa đào tạo online nước ngoài.

Nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cũng như năng lực quản lý/kỹ thuật thông qua các khoá đào tào tại chỗ; thông qua các lớp chuyên ngành trực tuyến của nước ngoài.

Phát triển nguồn nhân lực nội bộ và kết hợp với các trường đại học chuyên ngành trong nước. Nâng cao khả năng sử dụng ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ của toàn thể người lao động.

Đối với hoạt động truyền thông – marketing:

Thực hiện chiến lược marketing, quảng bá thương hiệu một cách hợp lý, đa dạng, sáng tạo, gắn liền với những sự kiện mang tính cộng đồng, các hoạt động tài trợ, từ thiện nhằm củng cố và phát huy hình ảnh thương hiệu Thép Việt Đức mạnh và thân thiện.

VGS®
ISO 9001: 2015

Cơ cấu
CỔ ĐÔNG CÔNG TY

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên HĐQT

Họ tên	Chức vụ	Ngày 16/03/2021	
		Số CPSH	Tỷ lệ (%)
Lê Minh Hải	Chủ tịch HĐQT	8.500.000	20,18
Nguyễn Hữu Thể	Thành viên HĐQT	1.292.540	3,07
Nguyễn Thị Nhi	Thành viên HĐQT	2.358.720	5,60
Nguyễn Vinh Tuyên	Thành viên HĐQT	100.800	0,24
Lê Quốc Khánh	Thành viên HĐQT	2.170.000	5,15
Nguyễn Trọng Đắc	Thành viên HĐQT	0	0,00
Ngô Vi Anh Tú	Thành viên HĐQT	80	0,00
Bùi Văn Hiệu	Thành viên HĐQT	0	0,00

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên Ban Tổng Giám đốc

Họ tên	Chức vụ	Ngày 16/03/2021	
		Số CPSH	Tỷ lệ (%)
Nguyễn Hữu Thể	Thành viên HĐQT/TGĐ	1.292.540	3,07
Nguyễn Thị Nhi	Thành viên HĐQT/PTGĐ	2.358.720	5,60

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên Ban Kiểm soát

Họ tên	Chức vụ	Ngày 16/03/2021	
		Số CPSH	Tỷ lệ (%)
Nguyễn Văn Lộc	Trưởng BKS	0	0
Nguyễn Thị Hoa	Thành viên BKS	0	0
Lê Quý Minh	Thành viên BKS	0	0

Cổ đông lớn thời điểm 16/03/2021

Họ tên	Địa chỉ	Ngày 16/03/2021	
		Số CPSH	Tỷ lệ (%)
Lê Minh Hải	Số nhà 118-120 D1 Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội	8.500.000	20,18
Nguyễn Thị Thanh Thủy	Số 3 Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội	4.525.000	10,75
Lê Khánh Huyền	Tòa nhà SIMCO, Phạm Hùng, Nam Từ Liêm, Hà Nội	3.470.000	8,24
Lê Quốc Khánh	Tòa nhà SIMCO, Phạm Hùng, Nam Từ Liêm, Hà Nội	2.170.000	5,15
Nguyễn Thị Nhi	SN7B, Ngõ 79, Lương Khánh Thiện, Hoàng Mai, Hà Nội	2.358.720	5,60

Cơ cấu cổ đông thời điểm 02/03/2020

STT	Nội dung	Số lượng cổ đông	Ngày 16/03/2021	
			Số CPSH	Tỷ lệ (%)
1.	**Cổ đông nội bộ**	**09**	**22.435.057**	**53,28**
1.1	HĐQT; Ban TGĐ; Kế toán trưởng; Ban kiểm soát	07	14.440.057	34,29
1.2	Người có liên quan	02	7.995.000	18,99
2.	**Cổ đông trong nước**	**3.096**	**19.526.154**	**46,37**
2.1	Cá nhân	3.081	19.241.624	45,70
2.2	Tổ chức	15	284.530	0,67
3.	**Cổ đông nước ngoài**	**26**	**150.378**	**0,35**
3.1	Cá nhân	21	98.428	0,23
3.2	Tổ chức	05	51.950	0,12
	Tổng cộng	**3.131**	**42.111.589**	**100**

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu tại ngày 16/03/2021

STT	Nội dung	Số lượng cổ đông	Ngày 16/03/2021	
			Số CPSH	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông sở hữu trên 5%	5	21.023.720	49,92
2	Cổ đông sở hữu từ 1% - 5%	50	13.738.383	32,63
3	Cổ đông sở hữu dưới 1%	3.076	7.349.486	17,45
	Tổng cộng	**3.131**	**42.111.589**	**100**

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan năm 2020

Người thực hiện	Quan hệ cổ đông nội bộ	Cổ phần đầu kỳ		Cổ phần cuối kỳ	
		Số CPSH	Tỷ lệ (%)	Số CPSH	Tỷ lệ (%)
Lê Minh Hải	Chủ tịch HĐQT	8.500.000	20,18	8.500.000	20,18
Nguyễn Thị Thanh Thủy	Vợ CT HĐQT	4.525.000	10,75	4.525.000	10,75
Lê Khánh Huyền	Con CT HĐQT	3.470.000	8,24	3.470.000	8,24
Lê Quốc Khánh	TV HĐQT	2.170.000	5,15	2.170.000	5,15

VGS®
ISO 9001: 2015

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị

Họ tên	Chức vụ	Số CPSH	Tỷ lệ (%)
Lê Minh Hải	Chủ tịch HĐQT	8.500.000	20,18
Nguyễn Hữu Thể	Thành viên HĐQT	1.292.540	3,07
Nguyễn Thị Nhi	Thành viên HĐQT	2.358.720	5,60
Nguyễn Vinh Tuyên	Thành viên HĐQT	100.800	0,24
Lê Quốc Khánh	Thành viên HĐQT	2.170.000	5,15
Nguyễn Trọng Đắc	Thành viên HĐQT	0	0,00
Ngô Vi Anh Tú	Thành viên HĐQT	80	0,00
Bùi Văn Hiệu	Thành viên HĐQT	0	0,00

Các cuộc họp Hội đồng Quản trị

Họ tên	Chức vụ	Số buổi tham dự	Tỷ lệ (%)
Lê Minh Hải	Chủ tịch HĐQT	7/7	100
Nguyễn Hữu Thể	Thành viên HĐQT	7/7	100
Nguyễn Thị Nhi	Thành viên HĐQT	7/7	100
Nguyễn Vinh Tuyên	Thành viên HĐQT	7/7	100
Lê Quốc Khánh	Thành viên HĐQT	7/7	100
Nguyễn Trọng Đắc	Thành viên HĐQT	7/7	100
Ngô Vi Anh Tú	Thành viên HĐQT	7/7	100
Bùi Văn Hiệu	Thành viên HĐQT	7/7	100

Các nghị quyết của Hội đồng Quản trị năm 2019

TT	Số NQ	Ngày	Nội dung nghị quyết
1	01/2020/NQ HĐQT-VGP	24/02/20	Thông qua việc vay vốn lưu động cho Công ty năm 2020 - 2021 tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Lý Thường Kiệt, Hà Nội.
2	02/2020/NQ HĐQT-VGP	06/05/21	Đồng ý thông qua các nội dung điều chỉnh Dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City như: quy mô dự án; chức năng sử dụng đất; cơ cấu sản phẩm và tiến độ thực hiện.
3	03/2020/NQ HĐQT-VGP	24/06/21	Đồng ý thông qua chấp thuận cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức (Công ty liên kết) mượn 75,9m2 đất tại KCN Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Thời gian đến năm 2051.
4	04/2020/NQ HĐQT-VGP	29/07/21	Thông qua việc vay vốn lưu động cho Công ty năm 2020 - 2021 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Xuyên, Vĩnh Phúc
5	05/2020/NQ HĐQT-VGP	18/08/21	Thông qua Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà thuộc dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City; đã được Sở xây dựng thẩm định tại văn bản số 579/TB-SXD-CCGĐXD ngày 11/8/2020.
6	06/2020/NQ HĐQT-VGP	30/11/21	Thông qua trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với Công ty TNHH Phúc Tấn và Công ty TNHH Quốc Dũng.
7	07/2020/NQ HĐQT-VGP	10/12/21	Thông qua việc vay vốn lưu động cho Công ty năm 2021 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, Chi nhánh Phúc Yên, Vĩnh Phúc.

Kết quả thực hiện Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

Công ty mẹ: Doanh thu Kế hoạch 3.800 tỷ đồng, thực hiện đạt 4.071,6 tỷ đồng đạt 107,1%; Lợi nhuận trước thuế kế hoạch 40 tỷ đồng, thực hiện 82,7 tỷ đồng đạt 206,8% so kế hoạch.

Hợp nhất: Doanh thu kế hoạch 6.300 tỷ đồng, thực hiện đạt 6.695 tỷ đồng đạt 106,3%; Lợi nhuận trước thuế kế hoạch 60 tỷ đồng, thực hiện 124,6 tỷ đồng đạt 207,7% so kế hoạch.

Trích lập các quỹ từ LNST năm 2020:

Quỹ Khen thưởng: theo Nghị quyết ĐHĐCĐ phê duyệt ≤ 10%/LNST; Thực tế trích lập 5%.

Quỹ Phúc lợi theo Nghị quyết ĐHĐCĐ phê duyệt ≤ 10%/LNST; Thực tế trích lập 5%

Quỹ Đầu tư phát triển: theo Nghị quyết ĐHĐCĐ phê duyệt ≤ 10%/LNST; Thực tế trích lập 5%

Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2020

Được thực hiện chi trả với tỷ lệ thấp hơn phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 tại Nghị quyết số 01/2020/NQĐHĐCĐ-VGS ngày 28/3/2020.

Chia cổ tức năm 2019 với tỷ lệ chia 7%/Mệnh giá cổ phiếu bằng tiền mặt.

Đã thực hiện đúng theo phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020

Lựa chọn đơn vị kiểm toán để thực hiện kiểm toán BCTC năm 2020

Hội đồng Quản trị đã phê duyệt lựa chọn Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2020, cả năm 2020 cho Công ty mẹ và Hợp nhất toàn Công ty

Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2020

Các cuộc họp giao ban hàng tuần của Ban Tổng Giám đốc: Hàng tuần, các thành viên Ban Tổng Giám đốc đều tổ chức cuộc họp giao ban, có sự tham dự của các Trưởng đơn vị tại Văn phòng đại diện và Ban Giám đốc các Công ty con, Nhà máy, trưởng các phòng ban trong Công ty. Tại các cuộc họp, Ban Tổng Giám đốc sẽ xem xét, đánh giá các báo cáo về tình hình SXKD; báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện các công việc được giao; cập nhật các thông tin về diễn biến của thị trường và đề ra các công việc, kế hoạch cần triển khai trong tuần. Tại các cuộc họp giao ban hành tuần, HĐQT đều cử thành viên HĐQT tham dự nhằm giám sát, theo dõi công tác quản lý điều hành và kịp thời có ý kiến điều chỉnh cho phù hợp với chủ trương, định hướng của HĐQT.

***Các cuộc họp bất thường của Ban Tổng Giám đốc*:** Trong những giai đoạn cao điểm, cần đưa ra các quyết sách quan trọng, Ban Tổng Giám đốc tổ chức các cuộc bất thường để thảo luận và thống nhất các vấn đề, quyết sách được đặt ra. Trong một số trường hợp cần thiết, các Thành viên HĐQT được mời tham dự cuộc họp để giám sát, theo dõi và đưa ra ý kiến chỉ đạo.

Các cuộc họp HĐQT bất thường: HĐQT sẽ tiến hành họp nếu thấy cần thiết để đánh giá công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc, kết quả thực hiện các chủ trương của HĐQT, kết quả kinh doanh hàng tháng, thảo luận, xem xét kế hoạch kinh doanh tháng tiếp theo và đưa ra các chủ trương, quyết sách quan trọng đối với hoạt động của Công ty.

Trong năm 2020, HĐQT đánh giá Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt vai trò qua các giải pháp điều hành SXKD kịp thời, linh hoạt, phù hợp với chủ trương, định hướng của HĐQT. Các chủ trương, chỉ đạo mà HĐQT đưa ra được Ban Tổng Giám đốc triển khai đầy đủ, nhanh chóng và báo cáo chi tiết kết quả thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao.

Đánh giá tình hình tài chính - kế toán của Công ty

Trong năm 2020, thực hiện chức năng quy định tại Điều lệ và Quy chế Quản trị Công ty, HĐQT đã tổ chức triển khai các công tác sau:

Rà soát, đánh giá tình hình tài chính - kế toán của Tập đoàn; Làm việc với Đơn vị kiểm toán độc lập (Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC) để đảm bảo tính độc lập và khách quan trong hoạt động kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

Về tình hình tài chính:

HĐQT xác nhận tình hình tài chính của Công ty trong năm 2020 là tốt và minh bạch, cụ thể:

Công ty tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán; Các chứng từ kế toán được Công t quản lý chặt chẽ và lưu trữ có hệ thống theo quy định, đảm bảo truy xuất nhanh chóng, đầy đủ khi có yêu cầu kiểm tra, kiểm toán; Việc mở sổ kế toán và sổ quỹ được thực hiện đúng theo quy định hiện hành, thực hiện ghi chép, cập nhật kịp thời, chính xác các nghiệp vụ phát sinh trong ngày; Các chỉ số cơ bản về tình hình công nợ, vốn vay, tính thanh khoản, hiệu quả sử dụng tài sản, trích lập dự phòng, vốn chủ sở hữu đáp ứng các quy định, nguyên tắc, tiêu chuẩn về tài chính kế toán.

Công ty đã nỗ lực trong các công tác tiết giảm chi phí, đẩy mạnh bán hàng để ghi nhận lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD, kéo giảm dư nợ vay hiệu quả, đảm bảo tình hình cân đối tài chính của Công ty.

Về Báo cáo tài chính:

HĐQT xác nhận các thông tin trong báo cáo kinh doanh; báo cáo tài chính quý, 06 tháng và năm của Công ty (bao gồm các báo cáo riêng và báo cáo hợp nhất) được trình bày một cách trung thực, hợp lý, nhất quán, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Dựa trên các báo cáo được Ban TGĐ trình bày tại các cuộc họp HĐQT định kỳ, kết quả kiểm tra thực tế, cũng như số liệu kiểm toán của đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC, HĐQT nhận định tình hình tài chính của Công ty minh bạch, rõ ràng và lành mạnh.

Kiểm tra, giám sát các giao dịch với người có liên quan

Trong năm 2020, việc giám sát, kiểm tra các giao dịch với người có liên quan được thực hiện chặt chẽ, theo đúng quy định pháp luật, chi tiết như sau:

Việc giao kết, thực hiện các giao dịch đều phải thông qua HĐQT theo quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị và Quy chế giao dịch với người có liên quan hiện hành của Công ty, phù hợp với quy định tại Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán hiện hành.

Việc giao kết, thực hiện các giao dịch đều dựa trên cơ sơ bình đẳng, tự nguyện theo đúng quy định pháp luật và quy định Công ty.

Các giao dịch đều được giao kết bằng văn bản, đảm bảo tính minh bạch, hài hòa lợi ích của cổ đông và lợi ích của các bên tham gia giao dịch.

Trong năm 2020, không có giao dịch với Người có liên quan của Công ty.

Hoạt động quan hệ cổ đông

Trong năm 2020, Công ty đã cung cấp thông tin đến cổ đông kịp thời và chính xác, đảm bảo tính thống nhất và liên tục của thông tin. Bên cạnh đó, thông qua các kênh thông tin truyền thống như website, mạng xã hội…để các cổ đông có nhiều nguồn nắm bắt để đảm bảo quyền của tất cả cổ đông trên cơ sở bình đẳng, minh bạch.

Hoạt động công bố thông tin theo quy định pháp luật

Công ty luôn chú trọng thực hiện đầy đủ các quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC và thực hiện công bố thông tin một cách chính xác, kịp thời, theo đúng quy định pháp luật.

Bên cạnh việc công bố thông tin theo quy định, Các thông tin quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp cũng được Công ty kịp thời cập nhật và công bố đến cơ quan quản lý nhà nước về chứng khoán, cổ đông và nhà đầu tư.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN TRỊ

Nâng cao năng lực quản trị điều hành, gia tăng hiệu quả hoạt động, khai thác hiệu quả thế mạnh hiện có trong công tác kinh doanh. Chú trọng giữ vững thị trường hiện có, tập trung khai thác lợi thế cạnh tranh, nâng cao uy tín thương hiệu, chất lượng sản phẩm, nhận diện cơ hội để phát triển. Tăng cường công tác tiếp thị marketting, chủ động tích cực tìm kiếm thị trường, mở rộng thị trường trong và ngoài nước.Tập trung phát huy tối đa mọi nguồn lực để đầu tư phát triển kinh doanh đem lại lợi nhuận, khẳng định vị trí, thương hiệu VGS trên thị trường.

GIÁM SÁT HT QUẢN LÝ QUẢN TRỊ

Tăng cường công tác quản lý từ tổ chức quản trị các hoạt động sản xuất kinh doanh; Quản trị tài chính; Quản trị rủi ro; Quản trị các chi phí trong SXKD một cách tiết kiệm và hiệu quả.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng tính chuyên nghiệp trong nghiệp vụ của ừng bộ phận cũng như trong sản xuất. Nâng cao ý thức trách nhiệm của Ban điều hành và người lao động.

Phát huy và tăng cường áp dụng các giải pháp kỹ thuật và giải pháp quản lý nhằm tiết kiệm chi phí, tăng thu nhập cho người lao động.

Tiếp tục duy trì và phát huy hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001-2015 và Hệ thống quản lý về môi trường theo ISO 14001-2015.

Áp dụng các phương pháp tiến tiến trong điều hành sản xuất, khai thác tối đa công suất máy móc thiết bị, nâng cao năng suất lao động, sản lượng từng dòng sản phẩm, nghiên cứu đầu tư đổi mới công nghệ ứng dụng trong sản xuất.

Phối hợp chặt chẽ Ban điều hành Công ty triển khai các giải pháp quản trị kiểm soát và đánh giá các hoạt động từng tháng, quý. Chủ động triển khai các giải pháp điều hành kịp thời, hiệu quả, đảm bảo hoàn thành kế hoạch đã đề ra.

Giám sát kiểm tra việc thực hiện Quy chế nội bộ về quản trị, nếu thấy chưa phù hợp với thực tế sẽ điều chỉnh, thay đổi cho phù hợp.

NÂNG CAO NĂNG LỰC TÀI CHÍNH

Tiếp tục triển khai các biện pháp nâng cao năng lực tài chính, quản trị chi phí hiệu quả, tối đa hóa các nguồn thu, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh toàn Công ty. Tìm kiếm cơ hội chuẩn bị cho kế hoạch huy động vốn để đầu tư dự án Khu độ thị Việt Đức Legend City theo nhiều cách như phát hành cổ phiếu; phát hành trái phiếu có kỳ hạn thông qua các tổ chức tín dụng ngân hàng…..

Triển khai và lan tỏa mạnh mẽ quản trị chi phí hiệu quả; Kiểm soát đầu tư, sử dụng tài sản tiết kiệm, hiệu quả.

PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU

Triển khai chiến lược phát triển thương hiệu gắn với việc thực hành văn hóa doanh nghiệp, phong trào học hỏi sáng tạo trong toàn Công ty.

Duy trì phát triển quảng bá thương hiệu theo nhiều phương thức để thương hiệu VGS ngày càng an tỏa sau và rộng.

Xây dựng và triển khai mạnh mẽ văn hóa doanh nghiệp, học hỏi sáng tạo trong các hoạt động của từng phòng ba/bộ phận.

TRIỂN KHAI DỰ ÁN KĐT VIỆT ĐỨC

Điều hành, chỉ đạo và đôn đốc Ban điều hành để tập trung triển khai tiếp tục công tác GPMB và hạ tầng của Dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City giai đoạn 1 để thực hiện kế hoạch khởi công xây dựng trong thời gian sớm nhất.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

Ban kiểm soát đã triển khai, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ của Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát, góp phần cùng toàn Công ty hoàn thành toàn diện kế hoạch kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Các thành viên Ban kiểm soát đều hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao; tham dự đầy đủ các phiên họp định kỳ và các cuộc hội ý, trao đổi; cùng tham gia thảo luận và biểu quyết thống nhất, thông qua các vấn đề, nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

Thành viên Ban kiểm soát bao gồm:

Họ tên	Chức vụ	Số CPSH	Tỷ lệ (%)
Ông Nguyễn Văn Lộc	Trưởng ban	0	0
Ông Lê Quý Minh	Thành viên	0	0
Ông Nguyễn Thị Hoa	Thành viên	0	0

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT

Ban Kiểm soát đã thực hiện giám sát đầy đủ, kịp thời, có chất lượng các nội dung giám sát theo quy định của Pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Qua giám sát, Ban Kiểm soát đã có các đề xuất, kiến nghị đối với Ban lãnh đạo Công ty nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty. Các đề xuất, kiến nghị của Ban Kiểm soát đã được Hội đồng quản trị, Ban Điều hành chỉ đạo các đơn vị triển khai thực hiện đầy đủ theo quy định.

GIÁM SÁT THỰC HIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ ĐIỀU LỆ CÔNG TY

Qua công tác giám sát, Ban kiểm soát nhận thấy năm 20202 hoạt động của Công ty đã bám sát các định hướng, chỉ đạo điều hành của Hội đồng quản trị và theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã phê duyệt.

HĐQT và Ban Điều hành đã đề ra chương trình hành động cụ thể đảm bảo triển khai đồng bộ, quyết liệt, có hiệu lực, hiệu quả trong toàn Công ty, luôn chủ động nâng cao năng lực quản trị, tăng cường áp đồng thời thường xuyên rà soát, cập nhật các quy định mới của pháp luật để bổ sung, sửa đổi điều lệ, cơ cấu tổ chức, các quy trình, quy định cho phù hợp.

GIÁM DÁT THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban Điều hành, các đơn vị thành viên trong công ty triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2020/NQĐHĐCĐ-VGS ngày 28/3/2020. Kết quả cụ thể như sau:

Đã hoàn thành tốt toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2020 do Đại hội đồng cổ đông giao, cụ thể:

Công ty mẹ: Doanh thu Kế hoạch 3.800 tỷ đồng, thực hiện đạt 4.071,6 tỷ đồng đạt 107,1%; Lợi nhuận trước thuế kế hoạch 40 tỷ đồng, thực hiện 82,7 tỷ đồng đạt 206,8% so kế hoạch.

Hợp nhất: Doanh thu kế hoạch 6.300 tỷ đồng, thực hiện đạt 6.695 tỷ đồng đạt 106,3%; Lợi nhuận trước thuế kế hoạch 60 tỷ đồng, thực hiện 124,6 tỷ đồng đạt 207,7% so kế hoạch.

Mặc dù dịch bệnh thiên tai lũ lụt liên tục xảy ra nhưng Ban Điều hành đã chỉ đạo quyết liệt đưa ra các chính sách chiến lược kịp thời nên kết quả đạt được năm 2020 vô cùng ấn tượng.

Trích lập các quỹ của phần lợi nhuận sau thuế năm 2020 đã thực hiện theo phương án được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 02/2020/NQĐHĐCĐ-VGS ngày 28/3/20.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020 *(tiếp theo)*

GIÁM SÁT THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ

Chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được thực hiện thấp hơn phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông tại Nghị quyết số 01/2020/NQĐHĐCĐ-VGS ngày 28/03/2020.

Công ty đã lựa chọn Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính giữa niên độ và năm 2020.

Cổ đông nội bộ Ông Lê Minh Hải - Chủ tịch Hội đồng quản trị và người liên quan đến Ông Lê Minh Hải gồm Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Vợ của Hội đồng quản trị; Ông Lê Quốc Khánh - Thành viên Hội đồng quản trị/con ruột Hội đồng quản trị và Bà Lê Khánh Huyền - Con ruột Hội đồng quản trị trong năm không thực hiện giao dịch mua bán chuyển nhượng cổ phiếu VGS.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã tập chung chỉ đạo công tác GPMB cũng như hoàn thiện các hồ sơ pháp lý liên quan đến Dự án KĐT Việt Đức Legend City. Tuy nhiên việc GPMB vẫn chưa thực hiện xong dẫn đến ngưng trệ các công việc triển khai của Dự án. Do dự án thuộc Chính phủ cho phép chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất khu đô thị vì thế việc GPMB do Nhà nước đứng ra thực hiện nên việc GPMB còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố và chính sách của Nhà nước.

GIÁM SÁT QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH

Qua giám sát, Ban Kiểm soát ghi nhận năm 2020, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành triển khai đầy đủ, đúng định hướng và mục tiêu kinh doanh của Công ty được ĐHĐCĐ thông qua. Các hoạt động, chỉ đạo của HĐQT. được thể hiện thông qua Nghị quyết, Quyết định theo thẩm quyền, tuân thủ Điều lệ, và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT.

Các nội dung chỉ đạo trong năm tập trung về việc thông qua triển khai kế hoạch kinh doanh năm 20209. Rà soát, cơ chế chính sách chế độ, kiện toàn mô hình tổ chức, nâng cao chất lượng nhân lực và chuẩn hóa công tác cán bộ; Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, nâng cao chất lượng, hiệu quả, hiệu lực của công tác kiểm tra giám sát; Chỉ đạo các đơn vị xây dựng các chiến lược phát triển trung và dài hạn làm nền tảng cho việc quản trị, điều hành, triển khai hoạt động kinh doanh Công ty.

Phê duyệt và công bố báo cáo thường niên và báo cáo tài chính của Công ty theo quy định,… Tổng Giám đốc đã hoạch định, xây dựng và đăng ký kế hoạch, nhiệm vụ cụ thể và tổ chức thực hiện trong từng thời điểm cho phù hợp, kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị kết quả thực hiện cũng như những tồn tại, vướng mắc và đề xuất để Hội đồng quản trị xem xét xử lý, điều chỉnh phù hợp...

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020 *(tiếp theo)*

Kiểm tra, giám sát và cập nhật danh sách những người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và Cổ đông sở hữu tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết:

Ban kiểm soát thường xuyên kiểm tra giám sát và cập nhật kịp thời danh sách những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Cổ đông sở hữu tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, đồng thời giám sát việc công bố thông tin đối với các thay đổi.

KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BCTC NĂM 2020

Báo cáo tài chính năm 2020 được lập theo Chuẩn mực và chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành, đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2020 và đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán.

Báo cáo tài chính được lập đầy đủ, kịp thời, các thông tin về tình hình tài chính được công bố và thuyết minh một cách rõ ràng đáp ứng được yêu cầu của các cơ quan hữu quan và nhà đầu tư;

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty được thể hiện đầy đủ, rõ ràng trong báo cáo tài chính. Trong báo cáo tài chính không có ngoại trừ của Công ty kiểm toán.

Ban kiểm soát thống nhất với ý kiến nhận xét và đánh giá về hoạt động tài chính và báo cáo năm 2020 của Công ty kiểm toán.

CÁC CÔNG TÁC KHÁC

Ban kiểm soát đã thực hiện nhiều hoạt động thường xuyên, đột xuất khác như thực hiện giám sát việc tổng hợp ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị trong hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành Công ty;

Tham gia ý kiến xây dựng các văn bản nội bộ Công ty; tham gia công tác lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập và phối hợp với kiểm toán độc lập trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty

ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP BKS VỚI HĐQT VÀ BĐH NĂM 2020

Hầu hết các thành viên trong Hội đồng quản trị có hiểu biết và kinh nghiệm trong lãnh vực sản xuất thép, có trình độ về quản trị doanh nghiệp vì đã được đào tạo và kinh qua nắm giữ các trọng trách lãnh đạo các doanh nghiệp, trên cơ sở đó cho thấy HĐQT có đầy đủ có tầm nhìn chiến lược để lãnh đạo công ty.

Nhìn chung, HĐQT đã thực hiện đầy đủ, nghiêm chỉnh các nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT theo điều lệ công ty, việc chỉ đạo, quản trị Công ty theo đúng pháp luật

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty đảm bảo nguyên tắc: tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, quy chế quản lý nội bộ và vì lợi ích chung của Công ty.

Trong năm 2020, trên cơ sở đề xuất của Ban kiểm soát, HĐQT đã có những cơ chế phối hợp hoạt động và trao đổi thông tin giữa HĐQT, Tổng Giám dốc, các bộ phận, đơn vị trực thuộc. Yêu cầu mọi cá nhân ở tất cả các cấp, các bộ phận có liên quan đều được thông báo, phổ biến, tuyên truyền về chính sách, quy trình, mục tiêu kinh doanh, thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ CỦA BKS

Nhằm thực hiện tốt vai trò đại diện cho cổ đông để quyết định các chính sách điều hành Công ty, trong năm 2021 Ban kiểm soát khuyến nghị HĐQT và Ban điều hành Công ty thực hiện một số nội dung sau:

Tăng cường công tác thanh tra kiểm tra, kiểm soát số liệu, việc chấp hành tuân thủ các quy định về môi trường, ATLĐ, phòng chống cháy nổ, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật. Củng cố và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình của Công ty cho phù hợp với thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh.

Sắp xếp nhân lực cho các dự án phù hợp để bộ máy của công ty tinh gọn, góp phần giảm chi phí cho Công ty

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và kế hoạch kinh doanh năm 2021, BKS xây dựng trọng tâm công tác năm 2021 như sau:

Thực hiện nhiệm vụ giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, tính tuân thủ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ tổ chức, hoạt động của Công ty.

Xem xét, thẩm định các báo cáo tài chính của Công ty, kịp thời đưa ra những ý kiến đóng góp đối với Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong công tác quản trị, phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát.

Lập, lưu giữ và cập nhật danh sách những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Cổ đông sở hữu tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

Giám sát các kế hoạch, tình hình triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty; Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc.

Giám sát việc thực thi và soát xét nội dung công bố thông tin của Công ty đảm bảo tính kịp thời, minh bạch.

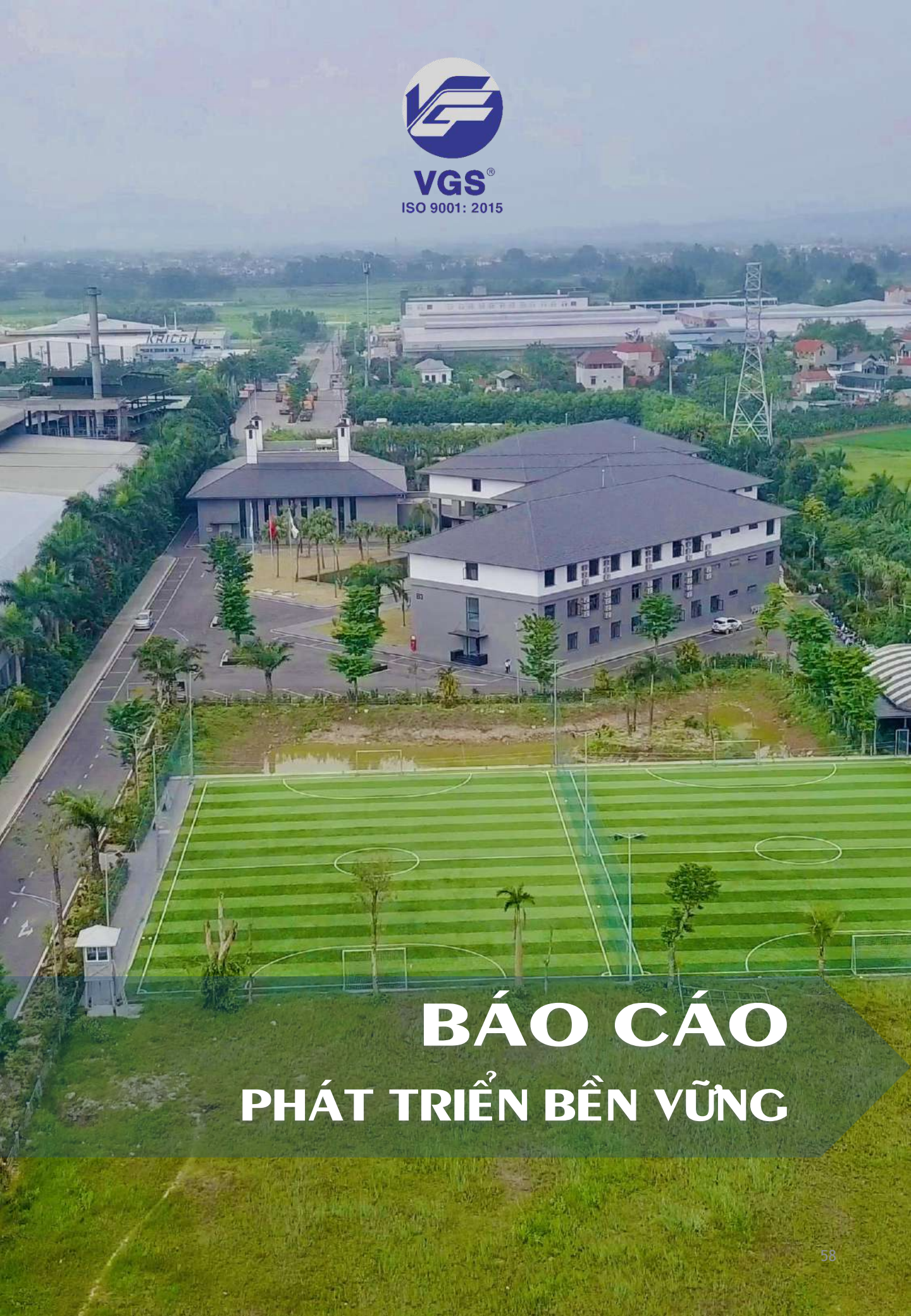

BÁO CÁO
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TỔNG QUAN BÁO CÁO BỀN VỮNG

Ngành Thép là một trong số ít những ngành công nghiệp thực hiện Báo cáo phát triển bền vững trên phạm vi toàn cầu. Báo cáo phát triển bền vững của ngành thép đầu tiên ban hành vào năm 2004 và được duy trì thực hiện hàng năm trên cơ sở bộ chỉ số hiệu quả hoạt động về môi trường, xã hội và kinh tế. Báo cáo bền vững ở phạm vi toàn cầu là một trong những nỗ lực chủ yếu mà ngành thép thực hiện để quản lý hiệu quả hoạt động, thể hiện cam kết đối với sự bền vững và gia tăng tính minh bạch.

Nội dung phát triển bền vững	Báo cáo phát triển bền vững của THÉP VIỆT ĐỨC được định hướng thực hiện nhằm xem xét và đánh giá lại các nguyên tắc thực hành phát triển bền vững tại công ty mẹ và công ty con, công ty liên kết. Nội dung báo cáo thể hiện cách tiếp cận của Công ty đối với các vấn đề phát triển bền vững. Trong năm qua, mặc dù tình hình hoạt động kinh doanh gặp nhiều khó khăn thách thức, Công ty vẫn chủ động thực hiện liệt kê và phân tích danh mục các yếu tố đã, đang và có khả năng tác động tích cực, tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, từ đó ưu tiên theo mức độ ảnh hưởng của đến các bên liên quan và loại dần các vấn đề không tác động đáng kể. Việc xác định ưu tiên lĩnh vực trọng yếu giúp Công ty nâng cao công tác quản lý và kiểm soát từng vấn đề đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan và hiểu rõ hơn các vấn đề quan trọng có ảnh hưởng tới tính chất ngành nghề hoạt động của Công ty, đồng thời cũng là vấn đề được các bên quan tâm nhất.
Phạm vi Báo cáo	Cơ sở dữ liệu trong báo cáo được cập nhật cho năm tài chính 2019 của Công ty, bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 31/12/2019. Các báo cáo về hoạt động an toàn lao động, xã hội, môi trường được tổng hợp từ các hoạt động thường xuyên được thực hiện tại Công ty mẹ và Công ty con, công ty liên kết. Báo cáo phản ánh kết quả hoạt động trong năm tài chính 2019, đồng thời đề ra những định hướng và mục tiêu trong những năm tiếp theo đối với chiến lược phát triển bền vững của THÉP VIỆT ĐỨC.
Cách thức xác định nội dung Báo cáo	Cách tiếp cận các vấn đề phát triển bền vững của Công ty xuất phát từ mục tiêu tăng trưởng bền vững trong dài hạn của Công ty kết hợp với các mục tiêu phát triển xã hội và bảo vệ môi trường, từ đó đóng góp tích cực cho sự phát triển chung của toàn xã hội. Những vấn đề liên quan đến mục tiêu phát triển bền vững tiếp tục được THÉP VIỆT ĐỨC đánh giá và xem xét trong mối tương quan với hoạt động hiện tại, xác định rõ các vấn đề trọng yếu để từ đó thực hiện rà soát, cải tiến cũng như thể hiện đầy đủ hơn trong nội dung báo cáo phát triển bền vững năm tài chính 2019.
Phạm vi Báo cáo	Báo cáo được lập tại Việt Nam, về lĩnh vực ngành nghề sản xuất, kinh doanh Ống thép, tôn mạ kẽm và Thép xây dựng, được thực hiện đối với hoạt động của Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE và Công ty con, công ty liên
Thông tin liên hệ	Mọi ý kiến đóng góp của Quý Khách hàng, Quý cổ đong và đối tác, Quý vị vui lòng gửi về địa chỉ: Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE KCN Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc Điện thoại: 0211.3 887 863 Fax: 0211.3 888 562 Website: www.vgpipe.com.vn

MỐI QUAN HỆ BỀN VỮNG GIỮA CÁC BÊN LIÊN QUAN

KHÁCH HÀNG

Chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm và liên tục mở rộng hệ thống phân phối, kịp thời mang đến cho khách hàng những sản phẩm, dịch vụ tốt nhất.

Lấy "Sự hài lòng của khách hàng làm thước đo đánh giá sự thành công", mỗi CBNV phải quan tâm, lắng nghe trên tinh thần cầu thị và sẵn sàng thỏa mãn những yêu cầu của khách hàng trong suốt quá trình tương tác.

Thể hiện sự tri ân đối với khách hàng thông qua tổ chức hội nghị khách hàng, những chương trình khuyến mãi và chính sách hấp dẫn sau bán hàng.

Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật tại thị trường trong và ngoài nước; chính sách giá cả hợp lý và cạnh tranh, đảm bảo hài hòa giữa lợi ích người tiêu dùng và lợi ích doanh nghiệp…

Tích cực tham gia bảo vệ người tiêu dùng trước vấn nạn thép giả bằng cách truyền thông rộng rãi những phương pháp phân biệt sản phẩm chính hãng và sản phẩm giả, kém chất lượng, giúp khách hàng, người tiêu dùng tránh được những mánh khóe gian lận thương mại, đúng với phương châm

"Lợi ích khách hàng là then chốt".

CỔ ĐÔNG - NHÀ ĐẦU TƯ

Luôn ý thức thực hiện đầy đủ các thủ tục công bố thông tin theo quy định của Bộ Tài chính nhằm đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời cho cổ đông, nhà đầu tư và tính minh bạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chủ động công bố những thông tin quan trọng, có khả năng ảnh hưởng đến quyền lợi cũng như quyết định đầu tư của nhà đầu tư, giúp cổ đông, nhà đầu tư theo sát diễn biến hoạt động của doanh nghiệp.

Thường xuyên tổ chức các chương trình, hội nghị công khai nhằm giúp nhà đầu tư, khách hàng và đối tác có cái nhìn toàn diện hơn về tình hình hoạt động cũng như chiến lược phát triển của Công ty trong ngắn hạn và dài hạn bao gồm: tổ chức các cuộc họp thường niên và bất thường; các chương trình hội nghị khách hàng; tham gia gặp gỡ, trao đổi với các nhà cung cấp;…

Việc trao đổi, tiết lộ thông tin phải công bằng, đảm bảo cơ hội đầu tư ngang bằng đối với tất cả nhà đầu tư.

Không tùy tiện tiết lộ thông tin của nhà đầu tư, cổ đông khi chưa được cho phép hoặc khi không có sự yêu cầu của cơ quan pháp luật.

NGƯỜI LAO ĐỘNG

Ý thức được yếu tố con người chính là cốt lõi của sự phát triển, Công ty luôn áp dụng các chế độ phúc lợi, các chính sách đãi ngộ hấp dẫn cũng như xây dựng môi trường làm việc thân thiện, đoàn kết, thi đua cùng phát triển cho CBNV. Duy trì mức thu nhập của CBNV luôn cao hơn so với mặt bằng chung của thị trường lao động và phù hợp với tình hình hoạt động của doanh nghiệp. Nghiên cứu ban hành, sửa đổi một số chính sách về lương, thưởng, phụ cấp rõ ràng và công bằng sao cho thỏa đáng với công sức và tâm huyết của người lao động.

Cam kết đảm bảo lợi ích, quyền lợi và an toàn nghề nghiệp cho người lao động theo quy định pháp luật cũng như phản đối mọi hình thức lao động cưỡng bức. Quản trị trên cơ sở tôn trọng người lao động bao gồm tôn trọng quyết định, mong muốn, nguyện vọng, quyền tự do và các quyền hợp pháp khác.

NHÀ CUNG CẤP

Nhà cung ứng đóng vai trò tối quan trọng trong sự thành công của THÉP VIỆT ĐỨC, vì thế Công ty luôn duy trì các mối quan hệ tôn trọng và tin tưởng lẫn nhau với các nhà cung ứng.

Không lạm dụng quy mô lợi thế để chèn ép và đưa ra những yêu sách vô lý đối với nhà cung ứng, đồng thời cũng không hợp tác với các đơn vị có hành vi lôi kéo hay chi hoa hồng, tiền bồi dưỡng, hiện vật, quà tặng.. cho nhân viên của Thép Việt Đức. Điều này được thể hiện như một điều khoản không thể thiếu trong tất cả các hợp đồng giữa Công ty và nhà cung ứng.

Lựa chọn nhà cung ứng một cách công bằng dựa trên hồ sơ về năng lực, sự uy tín trong hợp tác, kinh nghiệm trên thị trường.

Không tiết lộ thông tin mật của nhà cung ứng cho đối thủ cạnh tranh của họ

ĐỐI THỦ CẠNH TRANH

Duy trì mối quan hệ với đối thủ cạnh tranh bằng tất cả thiện chí và không ngừng học hỏi từ những thành công của họ. Không nói xấu hoặc có hành động phá hoại công ty đối thủ, đồng thời công nhận những thành công và tôn trọng lợi ích của họ.

Cam kết cạnh tranh công bằng, không thông đồng hoặc có các hoạt động gây ảnh hưởng đến giá cả thị trường, không tiếp nhận những thông tin có thể là bí mật về đối thủ cạnh tranh. Linh hoạt ứng phó trước sự cạnh tranh gay gắt, nhất quán với nguyên tắc kinh doanh trung thực, lấy chất lượng, uy tín và thương hiệu đặt lên hàng đầu. Tôn trọng và tuân thủ luật chống độc quyền, luật cạnh tranh, đảm bảo sự cạnh tranh lành mạnh, tự do và cởi mở.

CƠ QUAN QUẢN LÝ

Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về thuế, bảo vệ môi trường, ATLĐ, đóng góp vào ngân sách nhà nước và giải quyết việc làm cho lao động địa phương. Chỉ ra những bất cập trong quá trình thực thi các chính sách, quy định của Nhà nước.

TRUYỀN THÔNG

Xây dựng mối quan hệ tốt với các cơ quan truyền thông, báo chí, truyền hình trên nguyên tắc bình đẳng, minh bạch và hợp pháp.

Các thông điệp, thông tin cung cấp luôn đảm bảo tính chính xác, rõ ràng, đầy đủ và khách quan, giúp báo chí có thông tin chính xác về tình hình hoạt động của Công ty.

Bình tĩnh xử lý các sự cố truyền thông với thái độ cầu thị, phát ngôn chuẩn mực trước những phản đối và cáo buộc.

Đưa ra những thông tin, khuyến cáo về tình trạng ống và thép giả để báo chí kịp thời truyền thông đến khách hàng.

TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG

Công ty luôn đặt trách nhiệm đối với xã hội lên hàng đầu trong chiến lược phát triển bền vững của mình.

Cam kết đặt yếu tố môi trường lên trên sự phát triển, hạn chế đến mức tối thiểu sự tác động đến môi trường trong quá trình triển khai và đưa vào hoạt động các dự án sản xuất.

Khẳng định tinh thần làm việc với tất cả lương tâm và trách nhiệm sao cho vừa bảo vệ được môi trường vừa tạo được sự tăng trưởng cho xã hội, đất nước.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các chương trình, hoạt động từ thiện và tài trợ, chung tay góp sức xây dựng cộng đồng ngày một phát triển.

Bằng những đóng góp tích cực cho xã hội, Công ty đã gây dựng được hình ảnh một doanh nghiệp có ý thức, trách nhiệm cao đối với xã hội, mang lại những giá trị tốt nhất cho cộng đồng.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VỀ KINH TẾ

Kế thừa và phát huy thành tựu của các giai đoạn trước, đến nay, VG PIPE tiếp tục đổi mới và tái cấu trúc toàn diện hoạt động, hướng tới chất lượng, hiệu quả. VG PIPE đã đạt được những kết quả tăng trưởng tích cực, bền vững về kinh tế trên, không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, phát triển hoạt động kinh doanh trên cơ sở lấy khách hàng làm trung tâm; nâng cao năng lực quản trị rủi ro phù hợp với quy mô tăng trưởng và mức độ phức tạp gia tăng trong hoạt động kinh doanh; chủ động hoàn thiện cơ cấu tổ chức, đổi mới trong công tác quản trị nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh. Cùng với tăng trưởng mạnh mẽ về quy mô và hiệu quả, VG PIPE luôn kiểm soát tốt chất lượng tài sản, tỷ lệ nợ xấu hạn chế mức tối đa.

Trong giai đoạn 2020 - 2025, VG PIPE ưu tiên nguồn lực để thúc đẩy tăng trưởng mạnh về quy mô hoạt động, tạo lợi thế vững chắc về uy tín, thương hiệu, mạng lưới, nền tảng khách hàng. Hoạt động kinh doanh theo hướng tập trung tăng trưởng chất lượng, hiệu quả, an toàn, gắn với chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu khách hàng, ngành hàng.

VG PIPE luôn đảm bảo sự cân bằng giữa phát triển bền vững và quản trị rủi ro hiệu quả, đồng thời chú trọng công tác thực hiện tiết kiệm chống lãng phí, triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, biện pháp nhằm kiểm soát và tiết giảm chi phí, quản trị chi phí chặt chẽ, hiệu quả thông qua nâng cao hiệu quả phân bổ nguồn lực, phân bổ chi phí, công tác giao kế hoạch gắn với quản trị hiệu quả sử dụng chi phí, theo dõi giám sát chặt chẽ công tác sử dụng chi phí trong toàn Công ty. Với những nỗ lực phát triển bền vững về kinh tế, giá trị và sức mạnh thương hiệu ngày càng được khẳng định, nâng cao đối với công chúng, đối tác và cổ đông.

TRÁCH NHIỆM VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Thực hiện đúng quy định của pháp luật, thỏa ước lao động tập thể được ký kết nhằm đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động và người sử dụng lao động.

Theo đó, người sử dụng lao động có trách nhiệm thực hiện các giải pháp ổn định sản xuất, phát triển kinh doanh nhằm đảm bảo việc làm và góp phần tăng thu nhập cho người lao động; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đào tạo phát triển nhân viên, chính sách lương thưởng đãi ngộ, tạo môi trường làm việc an toàn, thoải mái và có lợi cho người lao động. Song song đó, người lao động phải hoàn thành tốt công việc được giao; tuân thủ các quy định làm việc và nội quy của Công ty; có sáng kiến đóng góp vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; cam kết làm việc sau đào tạo tùy theo kinh phí tài trợ đào tạo; chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về an toàn vệ sinh lao động, PCCC.

Thỏa ước này do đại diện của tập thể người lao động và người sử dụng lao động thương lượng và ký kết trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng và công khai. Ngoài thỏa ước lao động tập thể, nhằm hướng đến sự phát triển bền vững. Công ty còn chú trọng thiết lập mối quan hệ hài hòa giữa người sử dụng lao động và Người sử dụng lao động thông qua các nội dung điển hình như sau:

Tổ chức đối thoại với người lao động theo định kỳ;

Tất cả nhân viên đều được ký hợp đồng lao động theo đúng quy định pháp luật;

Báo cáo định kỳ tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh;

Giải thích rõ mục đích, ý nghĩa của việc đánh giá, xếp loại CBCNV;

Giải đáp thắc mắc, kiến nghị của người lao động trong các cuộc họp;

Tất cả nhân viên đều được đối xử bình đẳng và hưởng sự bảo vệ thích đáng trước mọi hành vi phân biệt đối xử trong việc làm hoặc nghề nghiệp. Công ty cam kết không sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức dưới mọi hình thức.

AN TOÀN - CHĂM LO SỨC KHỎE CNV

Để bảo đảm sức khỏe làm việc lâu dài cho tất cả CBNV, Công ty luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật liên quan đến ATLĐ, xây dựng hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp.

Các tiêu chuẩn, quy phạm của Nhà nước cũng như nội quy, quy chế của Công ty về an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp đều được bộ phận An toàn lao động cập nhật kịp thời và phổ biến đầy đủ đến người lao động trước khi tham gia vào dây chuyền sản xuất.

CBNV được trang bị dụng cụ bảo hộ đạt tiêu chuẩn chất lượng, được mua bảo hiểm và khám sức khỏe định kỳ để hạn chế tối đa những rủi ro cũng như phát hiện bệnh và điều trị kịp thời. Chính sách bồi dưỡng bằng hiện vật đối với CBNV làm việc trong môi trường nặng nhọc, độc hại, ảnh hưởng đến sức khỏe cũng được thực hiện theo quy định hiện hành. Ở kho bãi, nhà xưởng, văn phòng được trang bị các hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy, bình bột, bình CO2,…

Hằng năm, Công ty tổ chức tập huấn an toàn lao động cho tất cả CBNV nói chung và cho CBNV trực tiếp sản xuất nói riêng về sơ cấp cứu, an toàn lao động, an toàn bức xạ, an toàn hóa chất, an toàn điện, an toàn thiết bị nâng, PCCC,…

Nơi làm việc của công ty luôn đảm bảo thông thoáng và đầy đủ ánh sáng, các yếu tố như bụi bẩn, khí độc, tiếng ồn,… được đo lường kỹ lưỡng, tránh gây hại cho môi trường và sức khỏe NLĐ.

Công ty có thành lập Phòng y tế, có nhân viên y tế trực 24/24 để kịp thời sơ cứu, xử lý các tình huống khẩn cấp cũng như chăm sóc sức khỏe cho CBNV. Đồng thời, mỗi dây chuyền có trang bị tủ dụng cụ y tế để sơ cứu tại chỗ nhằm đảm bảo sức khỏe tốt nhất cho CBNV.

CÁC HOẠT ĐỘNG VỀ ATLĐ VÀ CHĂM LO SỨC KHỎE CBCNV

Thực hiện che chắn, cảnh báo các khu vực nguy hiểm. Kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị theo đúng kế hoạch. Điều chỉnh, cải tiến máy móc thiết bị để công nhân vận hành an toàn hơn. Kiểm định đúng thời hạn các máy móc, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về ATLĐ.

Tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám sức khỏe nghề nghiệp nhằm phát hiện sớm các bệnh lý để kịp thời điều trị. Thực hiện bồi dưỡng độc hại cho CBNV làm việc trong môi trường nặng nhọc, độc hại.

Bố trí phòng y tế riêng biệt tại khu vực sản xuất, hoạt động 24/24 đảm bảo chăm sóc tốt nhất cho người lao động.

Thuê đơn vị có chức năng thực hiện đo kiểm môi trường lao động định kỳ hằng năm. Tận dụng tối đa ánh sáng tự nhiên, tạo môi trường làm việc thoải mái, đầy đủ ánh sáng cho người lao động.

Thường xuyên vệ sinh nhà xưởng, sắp xếp vật tư, hàng hóa gọn gàng đảm bảo môi trường thông thoáng, sạch sẽ.

TUYÊN TRUYỀN – TẬP HUẤN ATLĐ

Năm 2020, Công ty đã tổ chức các khóa huấn luyện về an toàn - vệ sinh lao động như:

Khóa huấn luyện an toàn lao động chung cho toàn bộ CBNV. Khóa huấn luyện ATLĐ cho công nhân vận hành thiết bị nâng, công nhân vận hành thiết bị áp lực, công nhân bảo trì điện, công nhân hàn cắt kim loại và khóa huấn luyện cho công nhân làm việc trên cao. Khóa tập huấn về an toàn bức xạ cho nhân viên bức xạ.

Ngoài ra, ban ATLĐ, tổ Giám sát nội quy còn tiến hành kiểm tra, nhắc nhở hằng ngày CBNV về việc tuân thủ các nội quy, quy định an toàn lao động của Công ty.

BIỆN PHÁP VỀ PCCC

Đội PCCC cơ sở được tổ chức đúng theo yêu cầu của luật định. Định kỳ hằng năm, mời cảnh sát PCCC đến phổ biến các quy định mới về PCCC cũng như cách sử dụng thiết bị PCCC, phương án chữa cháy khi có sự cố xảy ra. Tổ chức diễn tập PCCC ít nhất 1 lần/năm, sẵn sàng khi xảy ra tình huống xấu nhất.

Bình chữa cháy được sạc nạp thường xuyên, đảm bảo luôn trong tình trạng sẵn sàng. Thay mới các bình chữa cháy đã sử dụng lâu, không đảm bảo yêu cầu về chữacháy. Hệ thống báo cháy được bảo trì, bảo dưỡng định kỳ hàng năm bởi đơn vị có năng lực. Kiểm tra định kỳ an toàn hệ thống điện, sửa chữa khắc phục kịp thời những hiện trạng mất an toàn dễ dẫn đến chập điện.

CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN HỖ TRỢ

Năm 2020 là một năm kinh tế đầy thách thức không chỉ đối với nền kinh tế toàn cầu, kinh tế Việt Nam và ngành thép nói riêng trong đó có Thép Việt Đức. Tuy vậy, Ban Lãnh đạo đã có những giải pháp thiết thực, để Công ty hoàn thành tốt các kế hoạc mà ĐHĐCĐ đã đề ra. Năm qua Công ty cũng đã sửa đổi, bổ sung và ban hành một số chính sách lương để phù hợp với tình hình kinh doanh từng thời điểm nhằm đảm bảo thu nhập của CBCNV toàn Công ty.

Các khoản hỗ trợ như hỗ trợ xăng xe, nhà ở, đi lại, điện thoại, hỗ trợ chi nhánh khó khăn, vùng sâu, vùng xa, hỗ trợ thai sản.vẫn được duy trì. Các khoản hỗ trợ này là phần cộng thêm thu nhập hàng tháng, tạo động lực, giúp người lao động yên tâm làm việc

CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM VÀ CHẾ ĐỘ KHÁC

Các CBCNV sau khi hết thời hạn thử việc một tháng thì đều được tham gia đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định pháp luật, đảm bảo toàn thể cán bộ công nhân viên đều được hưởng đầy đủ các chế độ bảo hiểm. Công ty luôn áp dụng mức lương tối thiểu cho CBCNV theo quy định của luật lao động. Ngoài ra, Công ty vẫn duy trì chế độ mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty (bao gồm cả nhân viên thử việc) với mức bảo hiểm tối đa là 70 triệu đồng/người/vụ.

Ngoài việc xây dựng và thực hiện các chính sách lương phù hợp với tình hình sản xuất hoạt động kinh doanh, khen thưởng linh hoạt, các chế độ bảo hiểm theo quy định của pháp luật, Công ty còn áp dụng các chế độ phúc lợi khác như: tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao nâng cao đời sống tinh thần cho cán bộ công nhân viên vào các dịp kỷ niệm, có nhà ăn tập thể phục vụ ăn hàng ngày cho cán bộ công nhân viên, cấp phát đồng phục cho nhân viên, trang bị đồ bảo hộ lao động đầy đủ đúng theo quy định pháp luật; xe đưa đón CBCNV, tổ chức, tặng quà nhân viên nữ nhân ngày mồng 8/3 và 20/10, tổ chức thăm hỏi CBCNV và người tân bị ốm đau, hiếu, hỷ của từng CBNV trong Công ty.

Kết hợp cùng với Công đoàn cơ sở, Công ty còn quan tâm, chăm lo đến đời sống CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ xe đưa CBCNV về quê ăn Tết, tặng quà cho con của CBCNV hàng năm nhân ngày Quốc tế Thiếu nhi.

Trong hoạt động sản xuất và kinh doanh, Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về công tác an toàn, sức khỏe và bảo vệ môi trường, chủ động ngăn ngừa các thiệt hại về con người, tài sản và môi trường.

Cụ thể hàng năm, trang bị đầy đủ các kiến thức cũng như kỹ năng an toàn lao động trong sản xuất cho tất cả CBCNV nói chung và cho CBCNV trực tiếp sản xuất nói riêng bằng việc tổ chức các khóa đào tạo cho nội dung an toàn trong lao động như sơ cấp cứu, an toàn lao động, an toàn bức xạ, an toàn hóa chất, an toàn điện, an toàn thiết bị nâng, PCCC… Và hàng năm, Công ty đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho tất cả CBCNV, dựa vào kết quả phân loại khám sức khỏe để có hướng giải quyết các trường hợp bệnh nặng hoặc nhẹ đảm bảo sức khỏe cho người lao động yên tâm công tác. Công ty đã chủ động thực hiện và luôn tuân thủ theo pháp luật các quy định về môi trường

Ngoài việc chi trả chi phí điều trị, bồi thường/trợ cấp theo đúng quy định của pháp luật và tùy từng mức độ nặng nhẹ của các vụ tai nạn lao động mà công ty còn có chính sách hỗ trợ riêng nhằm bù đắp, động viên cũng như bồi dưỡng để tái tạo lại sức lao động cho CBCNV.

XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC THÂN THIỆN ĐOÀN KẾT

Bên cạnh việc xây dựng chính sách lương, thưởng, phúc lợi phù hợp, khích lệ thì môi trường làm việc cũng là một yếu tố quan trọng để người lao động gắn bó với doanh nghiệp. Vì vậy, Công ty luôn cố gắng duy trì và xây dựng môi trường làm việc thân thiện, đoàn kết bằng cách tổ chức các hoạt động phong trào để gắn kết CBCNV với nhau cũng như giữa CBCNV và Công ty.Trong năm 2020, Công đoàn cơ sở phối hợp với Công ty đã tổ chức những hoạt động văn nghệ, hội thao, thể thao…

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Nhận thức môi trường là nguồn tài nguyên quý giá của con người, từ nhiều năm qua, VGS luôn đề cao và nỗ lực thực hiện các giải pháp sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên và năng lượng, tuân thủ quy định về bảo vệ môi sinh nhằm giảm thiểu tác động xấu tới môi trường.

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG MÔI TRƯỜNG SẢN XUẤT CỦA CÔNG TY

Quá trình xây dựng, Công ty sẽ tiến hành áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường, ATLĐ. Tuy nhiên, không tránh khỏi những tác động tới môi trường mang tính nhất thời như:

Bụi và tiếng ồn do quá trình đào đất xây nền móng nhà xưởng. Tiếng ồn do động cơ chuyên chở đất đá, nguyên vật liệu xây dựng; Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng.

Quá trình xây dựng có thể xảy ra các sự cố như: cháy nổ, tai nạn lao động. Ô nhiễm do chất thải rắn từ các hoạt động xây dựng chủ yếu là sắt vụn, gỗ, cốp pha, rác sinh hoạt. Khí thải các phương tiện giao thông. Nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt. Khí thải như: Bụi; Tiếng ồn. Chất thải rắn công nghiệp, chất thải rắn sinh hoạt và dầu thải. Các nguồn chất thải này sẽ tác động đến các đối tượng như: Môi trường không khí, môi trường nước, môi trường đất và môi trường xã hội. Quy mô tác động chủ yếu tập trung trong khu vực thực hiện dự án.

BP GIẢM THIỂU Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

Để giảm thiểu tác động đến các yếu tố môi trường trong quá trình xây dựng và hoạt động của dự án, Công ty thực hiện các biện pháp giảm thiểu, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường như sau:

Để giảm thiểu tác động đến các yếu tố môi trường trong quá trình xây dựng và hoạt động của dự án, Công ty thực hiện các biện pháp giảm thiểu, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường như sau:

PHÒNG CHỐNG Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

Tất cả các nguồn thải có khả năng gây ô nhiễm môi trường đều được nhận dạng và có thiết kế hợp lý để giảm thiểu tới mức tối đa các nguồn ô nhiễm này. Đồng thời, đầu tư công nghệ và thiết bị hiện đại. Sử dụng tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu chất thải.

XỬ LÝ CÁC CHẤT Ô NHIỄM

Nhà máy sẽ lắp đặt hệ thống thông gió để khử bụi và hơi khí độc sinh ra các công đoạn và các vị trí sản xuất. Xây dựng hệ thống xử lý nước thải để xử lý nguồn nước thải trước khi đưa vào hệ thống xử lý của khu công nghiệp. Nhà máy sẽ xây dựng nhà chứa chất thải rắn, quản lý chặt chẽ rác thải, giám thiểu tác động xấu tới môi trường và người lao động.

Ký hợp đồng thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt và các loại chất thải sản xuất có thể tái chế cũng như các loại chất thải phải xử lý với Công ty Môi trường đô thị.

VGS®
ISO 9001: 2015

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT ĐỨC VG PIPE

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đã được kiểm toán

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(đã được kiểm toán)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2500267703 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 16/03/2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Thể	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Nhi	Ủy viên
Ông Nguyễn Vinh Tuyên	Ủy viên
Ông Ngô Vi Anh Tú	Ủy viên
Ông Lê Quốc Khánh	Ủy viên
Ông Nguyễn Trọng Đắc	Ủy viên
Ông Bùi Văn Hiệu	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Thể	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Nhi	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Lộc	Trưởng ban
Ông Lê Quý Minh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hoa	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Hữu Thể
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Số: 300321.004 /BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được lập ngày 30 tháng 03 năm 2021, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Vũ Xuân Biển	**Lê Công Thắng**
Phó Tổng Giám đốc	Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0743-2018-002-1	Số: 4422-2019-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**932.186.774.233**	**850.592.859.971**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**3**	**22.309.490.292**	**12.371.928.800**
111	1. Tiền		22.309.490.292	12.371.928.800
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**565.541.159.394**	**523.676.408.402**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	563.104.859.966	528.135.002.226
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	10.293.932.025	12.828.128.525
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	7.021.675.193	15.462.409.849
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(14.879.307.790)	(32.749.132.198)
140	**IV. Hàng tồn kho**	**9**	**335.936.090.407**	**309.797.491.051**
141	1. Hàng tồn kho		335.936.090.407	309.797.491.051
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**8.400.034.140**	**4.747.031.718**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	1.150.130.065	844.344.212
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		7.249.904.075	3.902.687.506
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**412.545.913.129**	**429.556.513.767**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**47.501.823.638**	**49.564.402.292**
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	47.501.823.638	49.564.402.292
220	**II. Tài sản cố định**		**145.580.110.484**	**157.361.688.371**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	127.920.716.749	139.353.907.036
222	*- Nguyên giá*		*316.621.787.734*	*315.044.170.461*
223	*- Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(188.701.070.985)*	*(175.690.263.425)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	17.659.393.735	18.007.781.335
228	*- Nguyên giá*		*22.365.266.201*	*22.365.266.201*
229	*- Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(4.705.872.466)*	*(4.357.484.866)*
240	**IV. Tài sản dở dang dài hạn**		**46.620.873.607**	**43.940.747.487**
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	46.620.873.607	43.940.747.487
250	**V. Đầu tư tài chính dài hạn**	**4**	**146.590.000.000**	**146.590.000.000**
251	1. Đầu tư vào công ty con		79.950.000.000	79.950.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		66.640.000.000	66.640.000.000
260	**VI. Tài sản dài hạn khác**		**26.253.105.400**	**32.099.675.617**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	26.253.105.400	32.099.675.617
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**1.344.732.687.362**	**1.280.149.373.738**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**710.935.411.199**	**676.314.463.636**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**692.413.509.949**	**649.430.993.291**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	355.553.168.810	211.811.577.100
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		648.228.933	328.728.594
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	13.386.093.447	7.409.343.649
314	4. Phải trả người lao động		9.225.722.070	9.975.054.100
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	1.237.051.840	1.179.632.988
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		2.517.879.954	2.097.011.319
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	627.805.268	612.821.735
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	282.638.097.273	394.097.762.548
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		26.579.462.354	21.919.061.258
330	**II. Nợ dài hạn**		**18.521.901.250**	**26.883.470.345**
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	3.221.901.250	2.788.232.250
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	15.300.000.000	24.095.238.095
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**633.797.276.163**	**603.834.910.102**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	19	**633.797.276.163**	**603.834.910.102**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		421.115.890.000	421.115.890.000
411a	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*421.115.890.000*	*421.115.890.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		69.835.386.699	69.835.386.699
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		35.305.514.412	32.003.265.614
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.959.882.008	1.959.882.008
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		105.580.603.044	78.920.485.781
421a	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*49.442.373.481*	*40.175.452.881*
421b	*LNST chưa phân phối năm nay*		*56.138.229.563*	*38.745.032.900*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**1.344.732.687.362**	**1.280.149.373.738**

Hoàng Thạch Phương	**Nguyễn Thị Thúy**	**Nguyễn Hữu Thể**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 30 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**21**	**4.071.597.302.046**	**4.139.424.376.193**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	18.102.243.690	17.932.058.885
10	**3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**4.053.495.058.356**	**4.121.492.317.308**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	**23**	**3.850.154.936.168**	**3.939.239.524.422**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**203.340.122.188**	**182.252.792.886**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	27.652.042	1.172.443.603
22	7. Chi phí tài chính	25	20.109.515.157	26.422.289.171
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*20.108.958.509*	*26.419.653.971*
25	8. Chi phí bán hàng	26	93.579.545.873	71.223.943.496
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	6.781.498.355	25.241.984.148
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**82.897.214.845**	**60.537.019.674**
31	11. Thu nhập khác	28	484.457.850	955.574.015
32	12. Chi phí khác	29	660.397.750	763.345.630
40	**13. Lợi nhuận khác**		**(175.939.900)**	**192.228.385**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**82.721.274.945**	**60.729.248.059**
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	16.676.298.988	12.297.956.935
60	**17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**66.044.975.957**	**48.431.291.124**

Hoàng Thạch Phương	**Nguyễn Thị Thúy**	**Nguyễn Hữu Thể**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 30 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	***1. Lợi nhuận trước thuế***		***82.721.274.945***	***60.729.248.059***
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		13.359.195.160	10.544.492.413
03	- Các khoản dự phòng		(17.869.824.408)	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		556.648	(62.631)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(23.123.739)	(346.415.339)
06	- Chi phí lãi vay		20.108.958.509	26.419.653.971
08	***3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***		***98.297.037.115***	***97.346.916.473***
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(26.691.143.153)	(107.177.750.555)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(26.138.599.356)	(22.745.390.583)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		144.356.457.395	22.595.869.329
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		5.540.784.364	(10.138.243.774)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(20.111.162.335)	(26.423.218.555)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(10.687.956.935)	(6.012.716.391)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.944.096.500)	(2.315.040.000)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***162.621.320.595***	***(54.869.574.056)***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.997.164.739)	(50.211.592.022)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	318.181.818
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		23.123.739	28.233.521
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***(2.974.041.000)***	***(49.865.176.683)***
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		2.463.598.439.885	3.034.383.446.940
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(2.583.853.343.255)	(2.928.131.262.537)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(29.454.258.085)	(7.774.000)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***(149.709.161.455)***	***106.244.410.403***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**9.938.118.140**	**1.509.659.664**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**12.371.928.800**	**10.862.206.505**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(556.648)	62.631
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**3**	**22.309.490.292**	**12.371.928.800**

Hoàng Thạch Phương	**Nguyễn Thị Thúy**	**Nguyễn Hữu Thể**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 30 tháng 03 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2020

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2500267703 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 16/03/2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 421.115.890.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 421.115.890.000 đồng; tương đương 42.111.589 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 342 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 345 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất các loại ống thép, ống inox; Sản xuất các sản phẩm từ thép; Sản xuất két bạc, tủ sắt, két sắt, thang sắt, đồ sắt tráng men; Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột tháp, cột ăng ten truyền hình…);
- Sản xuất khung bằng thép (khung nhà, kho…); Kéo dây sắt, thép; Dệt lưới thép, kim loại; Sản xuất thép không gỉ, inox;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Vận tải hành khách, hàng hóa, bê tông tươi đường bộ bằng ô tô;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận;
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki-ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Giai đoạn cuối năm 2020 thị trường thép tăng trưởng mạnh cả về sản lượng tiêu thụ cũng như giá bán dẫn đến hiệu quả bán hàng của Công ty tăng cao. Bên cạnh đó, chi phí tài chính cũng giảm do lãi suất vay ngắn hạn giảm so với năm trước cùng với việc Công ty đã thu hồi một phần công nợ khó đòi phát sinh các giai đoạn trước dẫn tới kết quả kinh doanh năm 2020 tăng trưởng vượt bậc so với năm 2019.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 18	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 08	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 05	năm
- Phần mềm quản lý	03	năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 55.056 m2 đất tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 50 năm đến hết 04/12/2051;
- Quyền sử dụng 2.720 m2 đất tại thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng 1.577 m2 đất tại phường Khai Quang và phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng đất 330 m2 tại Khu biệt thự nhà vườn, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao;
- Quyền sử dụng đất 270,3 m2 tại BT5-C12A, Lô BT 101-Khu BT5, dự án đầu tư Khu đô thị mới Bắc An Khánh, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao;
- Quyền sử dụng đất 270,3 m2 tại BT5-C12B, Lô BT 101-Khu BT5, dự án đầu tư Khu đô thị mới Bắc An Khánh, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao.

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.15 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng .

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu bao gồm doanh thu cho thuê văn phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.22 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,… được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí đi vay vốn; các khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái… Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 . Thông tin bộ phận

Do Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các sản phẩm về thép và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	460.887.618	113.954.985
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21.848.602.674	12.257.973.815
	22.309.490.292	**12.371.928.800**

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	**79.950.000.000**	-	**79.950.000.000**	-
- Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	79.950.000.000	-	79.950.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	**66.640.000.000**	-	**66.640.000.000**	-
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức	66.640.000.000	-	66.640.000.000	-
	146.590.000.000	-	**146.590.000.000**	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2020 như sau:

Công ty Cổ phần Thép Việt Đức có trụ sở tại tỉnh Vĩnh Phúc, hoạt động kinh doanh chính là sản xuất tôn cán nguội. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Thép Việt Đức là 99,94%.

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2020 như sau:

Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức có trụ sở tại tỉnh Vĩnh Phúc, hoạt động kinh doanh chính là sản xuất thép chất lượng cao. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức là 28,6%.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	**79.950.000.000**	-	**79.950.000.000**	-
- Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	79.950.000.000	-	79.950.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	**66.640.000.000**	-	**66.640.000.000**	-
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức	66.640.000.000	-	66.640.000.000	-
	146.590.000.000	-	**146.590.000.000**	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2020 như sau:

Công ty Cổ phần Thép Việt Đức có trụ sở tại tỉnh Vĩnh Phúc, hoạt động kinh doanh chính là sản xuất tôn cán nguội. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Thép Việt Đức là 99,94%.

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2020 như sau:

Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức có trụ sở tại tỉnh Vĩnh Phúc, hoạt động kinh doanh chính là sản xuất thép chất lượng cao. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức là 28,6%.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	**79.950.000.000**	-	**79.950.000.000**	-
- Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	79.950.000.000	-	79.950.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	**66.640.000.000**	-	**66.640.000.000**	-
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức	66.640.000.000	-	66.640.000.000	-
	146.590.000.000	-	**146.590.000.000**	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2020 như sau:

Công ty Cổ phần Thép Việt Đức có trụ sở tại tỉnh Vĩnh Phúc, hoạt động kinh doanh chính là sản xuất tôn cán nguội. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Thép Việt Đức là 99,94%.

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2020 như sau:

Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức có trụ sở tại tỉnh Vĩnh Phúc, hoạt động kinh doanh chính là sản xuất thép chất lượng cao. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức là 28,6%.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty Cổ phần XNK và TM Tổng Hợp Miền Bắc	315.480.693.769	-	231.737.465.011	-
Công ty Phúc Tiến (TNHH)	51.174.967.251	-	55.552.035.781	-
Công ty TNHH Thép Nam Châm	36.526.064.190	-	26.521.614.835	-
Phải thu khách hàng khác	159.923.134.756	(14.879.307.790)	214.323.886.599	(32.749.132.198)
	563.104.859.966	**(14.879.307.790)**	**528.135.002.226**	**(32.749.132.198)**
b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	18.128.995.246	-	**23.664.220.194**	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây Dựng Quang Minh	1.137.000.000	-	1.137.000.000	-
Công Ty TNHH Kiến Trúc ACT Việt Nam	5.394.256.677	-	4.794.256.677	-
Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Thiết Kế Reenco Việt Nam	1.056.810.000	-	1.056.810.000	-
Công ty TNHH Sản xuất Cầu trục và Kết cấu Công nghiệp VNC	-	-	1.600.000.000	-
Trả trước cho người bán khác	2.705.865.348	-	4.240.061.848	-
	10.293.932.025	-	**12.828.128.525**	-

7 . PHẢI THU KHÁC

		31/12/2020		01/01/2020	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
a)	**Ngắn hạn**				
	Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	1.194.000	-
	Phải thu về bảo hiểm y tế	-	-	176.000	-
	Tạm ứng	3.637.412.245	-	5.060.658.560	-
	Ký cược, ký quỹ	3.370.000.000	-	7.974.980.750	-
	Phải thu khác	14.262.948	-	2.425.400.539	-
		7.021.675.193	**-**	**15.462.409.849**	**-**
b)	**Dài hạn**				
	UBND Xã Đạo Đức (*)	441.580.000	-	441.580.000	-
	BQL đầu tư Xây dựng huyện Bình Xuyên (*)	47.060.243.638	-	49.122.822.292	-
		47.501.823.638	**-**	**49.564.402.292**	**-**
c)	**Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan**				
		-	**-**	**2.075.215.746**	**-**

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)

(*): Đây là tiền chi trả bồi thường giải phóng mặt bằng theo phương án đã được phê duyệt của khu đô thị VietDuc Lengend City giai đoạn I (23,6ha) sẽ được trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp của khu đô thị. (Thông tin về dự án xem chi tiết tại thuyết minh số 10).

8 . NỢ XẤU

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Thiên Phúc Lộc	-	-	23.483.003.750	-
- Công ty TNHH Quốc Dũng	11.817.847.549	8.272.493.284	-	-
- Công ty TNHH Phúc Tấn	4.135.650.153	2.067.825.076	-	-
- Công ty TNHH Trường Quang	9.266.128.448	-	9.266.128.448	-
	25.219.626.150	**10.340.318.360**	**32.749.132.198**	**-**

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	185.034.777.405	-	133.876.965.216	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.808.059.358	-	6.375.207.417	-
Thành phẩm	145.093.253.644	-	169.545.318.418	-
	335.936.090.407	**-**	**309.797.491.051**	**-**

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	**46.620.873.607**	**43.940.747.487**
- Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh [(1)]	8.574.545.454	8.574.545.454
- Dự Án VietDuc Legend City [(2)]	38.046.328.153	35.366.202.033
	46.620.873.607	**43.940.747.487**

Thông tin chi tiết về các dự án:

(1): Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Ống Thép Việt - Đức VG PIPE;
- Mục đích đầu tư: Đầu tư kinh doanh;
- Địa điểm: Khu đô thị Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội;
- Nguồn vốn đầu tư: Sử dụng nguồn vốn của Công ty cũng như các nguồn vốn huy động hợp pháp khác;
- Mô tả dự án: Theo đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 5092/QĐ-UBND ngày 31/7/2017, lô đất CC4 có sự điều chỉnh chức năng sử dụng đất từ dịch vụ thương mại chuyển sang đất công cộng đơn vị ở; diện tích đất từ 4.716m2 xuống còn 4.248m2; mật độ xây dựng tối đa từ 34% lên 40%; tầng cao tối đa là 5 tầng; hệ số sử dụng đất từ 1,7 lần lên 2 lần;
- Chi phí tập hợp: Chi phí tập hợp là toàn bộ chi phí chuyển giao hạ tầng lô đất CC4 tại khu đô thị mới Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội theo hợp đồng kinh tế số 16/HUD/-SGDBĐS ngày 29/02/2010 ký với Tổng Công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị.
- Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/12/2020: Dự án trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

(2): Dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City

- Chủ đầu tư: Công ty CP Ống Thép Việt - Đức VG PIPE;
- Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng mới khu đô thị và nhà ở cho người thu nhập thấp, cán bộ công nhân viên, hiện đại và đồng bộ về hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội;
- Địa điểm: Thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Quy mô dự án: Tổng quỹ đất thực hiện dự án là 62,17ha. Diện tích giai đoạn I đã được chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện là 23,6ha;
- Nguồn vốn đầu tư: Sử dụng nguồn vốn của Công ty cũng như các nguồn vốn huy động hợp pháp khác;
- Tình trạng dự án: Tiếp tục triển khai giải phóng mặt bằng phần diện tích còn lại giai đoạn I; chuẩn bị triển khai thi công xây dựng cơ sở hạ tầng đối phần diện tích đã được UBND tỉnh Vĩnh Phúc giao đất.

Thông tin chi tiết về các dự án (tiếp):

- Thông tin pháp lý:
+ Quyết định chấp thuận đầu tư số 2204/QĐ-UBND ngày 10/08/2010 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
+ Công văn số 2124/TTG-KTN ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ đồng ý cho Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án giai đoạn 1 với diện tích 23,6ha.
+ Quyết định số 3156/QĐ-UBND của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về phê duyệt điều chỉnh QHCT 1/500 Khu đô thị Việt Đức Lengend City tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc (lần 1).
+ Quyết định số 1829/QĐ-UBND về việc giao đất (đợt 1) cho Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG-PIPE thực hiện dự án: Khu đô thị Việt Đức Legend-City tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	**Cộng**
	VND	VND	**VND**
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	22.295.441.201	69.825.000	22.365.266.201
Số dư cuối năm	**22.295.441.201**	**69.825.000**	**22.365.266.201**
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	4.287.659.866	69.825.000	4.357.484.866
- Khấu hao trong năm	348.387.600	-	348.387.600
Số dư cuối năm	**4.636.047.466**	**69.825.000**	**4.705.872.466**
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	18.007.781.335	-	18.007.781.335
Tại ngày cuối năm	**17.659.393.735**	-	**17.659.393.735**

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 69.825.000 đồng.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

		31/12/2020	01/01/2020
		VND	VND
a)	**Ngắn hạn**		
	Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	53.053.889
	Chi phí quảng cáo	1.150.130.065	791.290.323
		1.150.130.065	**844.344.212**
b)	**Dài hạn**		
	Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất	5.529.223.973	5.705.688.569
	Chi phí thuê kho, thuê văn phòng	2.880.000.000	6.120.000.000
	Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	8.982.355.573	13.623.684.101
	Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	6.743.552.421	6.163.546.261
	Chi phí quảng cáo	1.623.760.468	486.756.686
	Chi phí trả trước dài hạn khác	494.212.965	-
		26.253.105.400	**32.099.675.617**

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	**Cộng**
	VND	VND	VND	VND	**VND**
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	169.193.407.415	117.553.330.384	26.698.857.944	1.598.574.718	315.044.170.461
- Mua trong năm	-	-	1.577.617.273	-	1.577.617.273
Số dư cuối năm	**169.193.407.415**	**117.553.330.384**	**28.276.475.217**	**1.598.574.718**	**316.621.787.734**
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	46.885.548.030	105.320.403.049	21.885.737.628	1.598.574.718	175.690.263.425
- Khấu hao trong năm	8.027.652.971	3.010.598.352	1.972.556.237	-	13.010.807.560
Số dư cuối năm	**54.913.201.001**	**108.331.001.401**	**23.858.293.865**	**1.598.574.718**	**188.701.070.985**
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	122.307.859.385	12.232.927.335	4.813.120.316	-	139.353.907.036
Tại ngày cuối năm	**114.280.206.414**	**9.222.328.983**	**4.418.181.352**	-	**127.920.716.749**

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 59.303.328.173 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 123.858.549.364 đồng.

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Việt Đức	100.111.750.447	100.111.750.447	67.909.931.605	67.909.931.605
Công ty Cổ phần Thương mại HPM	90.951.540.449	90.951.540.449	87.986.126.779	87.986.126.779
Công ty TNHH Khoáng sản và luyện kim Việt Trung	-	-	37.925.992.271	37.925.992.271
Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	62.400.099.905	62.400.099.905	-	-
Phải trả các đối tượng khác	102.089.778.009	102.089.778.009	17.989.526.445	17.989.526.445
	355.553.168.810	**355.553.168.810**	**211.811.577.100**	**211.811.577.100**

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	35.487.889	37.691.715
- Trích trước tiền điện	392.563.951	482.941.273
- Chi phí phải trả khác	809.000.000	659.000.000
	1.237.051.840	**1.179.632.988**

16 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	332.440.480	369.769.800
- Bảo hiểm bắt buộc	8.255.200	76.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	253.677.538	229.823.323
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	33.432.050	13.152.612
	627.805.268	**612.821.735**
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.221.901.250	2.788.232.250
	3.221.901.250	**2.788.232.250**

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	50.763.829.720	50.763.829.720	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	63.303.821	63.303.821	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	7.287.956.935	16.676.298.988	10.687.956.935	-	13.276.298.988
Thuế Thu nhập cá nhân	-	121.386.714	2.200.183.352	2.211.775.607	-	109.794.459
Thuế Tài nguyên	-	-	14.348.000	14.348.000	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	977.231.547	977.231.547	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
	-	**7.409.343.649**	**70.699.195.428**	**64.722.445.630**	**-**	**13.386.093.447**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2020		Trong năm		31/12/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	**392.893.000.643**	**392.893.000.643**	**2.463.598.439.885**	**2.581.853.343.255**	**274.638.097.273**	**274.638.097.273**
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên [(1)]	310.724.686.343	310.724.686.343	1.505.537.438.939	1.616.600.000.000	199.662.125.282	199.662.125.282
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Xuyên [(2)]	53.071.280.640	53.071.280.640	654.006.857.386	632.102.166.035	74.975.971.991	74.975.971.991
- Ngân hàng TMCP Quốc Tế - Chi nhánh Vĩnh Phúc	29.097.033.660	29.097.033.660	284.154.143.560	313.251.177.220	-	-
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	19.900.000.000	19.900.000.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	**1.204.761.905**	**1.204.761.905**	**8.000.000.000**	**1.204.761.905**	**8.000.000.000**	**8.000.000.000**
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên [(3)]	1.204.761.905	1.204.761.905	8.000.000.000	1.204.761.905	8.000.000.000	8.000.000.000
	394.097.762.548	**394.097.762.548**	**2.471.598.439.885**	**2.583.058.105.160**	**282.638.097.273**	**282.638.097.273**
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên [(3)]	25.300.000.000	25.300.000.000	-	2.000.000.000	23.300.000.000	23.300.000.000
	25.300.000.000	**25.300.000.000**	**-**	**2.000.000.000**	**23.300.000.000**	**23.300.000.000**
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(1.204.761.905)	(1.204.761.905)	(8.000.000.000)	(1.204.761.905)	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	**24.095.238.095**	**24.095.238.095**			**15.300.000.000**	**15.300.000.000**

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/1509578/HĐTD ngày 19/11/2018, hợp đồng hạn mức sửa đổi ngày 16/01/2021, với các điều khoản chi tiết như sau:
+ Hạn mức tín dụng: 500 tỷ đồng;
+ Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;
+ Thời hạn của hạn mức: Từ ngày 16/01/2021 đến ngày 15/04/2021;
+ Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất thả nổi;
+ Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

(2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 20.093.0001/2020 – HĐCVHM/NHCT262 – ONG THEP VIET DUC ngày 01/12/2021, với các điều khoản chi tiết như sau:
+ Hạn mức tín dụng: 200 tỷ đồng;
+ Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sắt, thép;
+ Thời hạn của hạn mức: Từ ngày 01/12/2021 đến hết ngày 30/11/2021;
+ Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất vay thả nổi;
+ Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(3) Hợp đồng tín dụng trung hạn số 02/2019/1509578/HĐTD ngày 27/09/2019, với các điều khoản chi tiết như sau:
+ Số tiền vay: 42 tỷ đồng;
+ Mục đích vay: Đầu tư toà nhà văn phòng và trung tâm thương mại phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty;
+ Thời hạn vay: 72 tháng, ngày giải ngân và ngày đáo hạn chính thức của từng khoản vay được xác định tại bảng kê rút vốn;
+ Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất thả nổi;
+ Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 23.300.000.000 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 8.000.000.000 đồng;
+ Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	**VND**
Số dư đầu năm trước	**375.997.100.000**	**69.835.386.699**	**29.581.701.058**	**1.959.882.008**	**85.294.242.881**	**562.668.312.646**
Tăng vốn trong năm trước	45.118.790.000	-	-	-	(45.118.790.000)	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	48.431.291.124	48.431.291.124
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.421.564.556	-	(9.686.258.224)	(7.264.693.668)
Số dư cuối năm trước	**421.115.890.000**	**69.835.386.699**	**32.003.265.614**	**1.959.882.008**	**78.920.485.781**	**603.834.910.102**
Số dư đầu năm nay	**421.115.890.000**	**69.835.386.699**	**32.003.265.614**	**1.959.882.008**	**78.920.485.781**	**603.834.910.102**
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	66.044.975.957	66.044.975.957
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(29.478.112.300)	(29.478.112.300)
Phân phối lợi nhuận (**)	-	-	3.302.248.798	-	(9.906.746.394)	(6.604.497.596)
Số dư cuối năm nay	**421.115.890.000**	**69.835.386.699**	**35.305.514.412**	**1.959.882.008**	**105.580.603.044**	**633.797.276.163**

(*) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ-VGS ngày 28 tháng 03 năm 2020, Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chia cổ tức năm 2019 bằng 7%/vốn điều lệ tương ứng số tiền 29.478.112.300 đồng, hình thức chi trả bằng tiền mặt.

(**): Căn cứ theo điều lệ Công ty, Công ty trích lập các quỹ từ nguồn lợi nhuận năm 2020 như sau:

- Trích Quỹ đầu tư phát triển số tiền: 3.302.248.798 đồng (tương ứng 5% lợi nhuận sau thuế năm 2020);
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi số tiền: 6.604.497.596 đồng (tương ứng 10% lợi nhuận sau thuế năm 2020).

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Ông Lê Minh Hải	20,18%	85.000.000.000	20,18%	85.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	10,75%	45.250.000.000	10,75%	45.250.000.000
Bà Nguyễn Thị Nhi	5,60%	23.585.200.000	5,60%	23.585.200.000
Bà Lê Khánh Huyền	8,24%	34.700.000.000	8,24%	34.700.000.000
Ông Lê Quốc Khánh	5,15%	21.700.000.000	5,15%	21.700.000.000
Các cổ đông khác	50,08%	210.880.690.000	50,08%	210.880.690.000
	100%	**421.115.890.000**	**100%**	**421.115.890.000**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- *Vốn góp đầu năm*	*421.115.890.000*	*375.997.100.000*
- *Vốn góp tăng trong năm*	-	*45.118.790.000*
- *Vốn góp cuối năm*	*421.115.890.000*	*421.115.890.000*
Cổ tức, lợi nhuận:		
- *Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm*	*229.823.323*	*237.597.323*
- *Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm*	*29.478.112.300*	*45.118.790.000*
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	29.478.112.300	45.118.790.000
- *Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền*	*(29.454.258.085)*	*(7.774.000)*
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	*(29.454.258.085)*	*(7.774.000)*
- *Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng cổ phiếu*	-	*(45.118.790.000)*
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	*(45.118.790.000)*
- *Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm*	*253.677.538*	*229.823.323*

d) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	42.111.589	42.111.589
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	42.111.589	42.111.589
- *Cổ phiếu phổ thông*	*42.111.589*	*42.111.589*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	42.111.589	42.111.589
- *Cổ phiếu phổ thông*	*42.111.589*	*42.111.589*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

f) Các quỹ công ty

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Quỹ đầu tư phát triển	35.305.514.412	32.003.265.614
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.959.882.008	1.959.882.008
	37.265.396.420	**33.963.147.622**

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	31/12/2020	01/01/2020
- Đồng đô la Mỹ (USD)	2.493,34	2.506,54

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	1.889.773.646.401	1.692.921.621.525
Doanh thu bán thành phẩm	2.170.171.390.283	2.433.807.546.488
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.652.265.362	12.695.208.180
	4.071.597.302.046	**4.139.424.376.193**
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan	**89.039.745.378**	**163.812.979.686**

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)

22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	17.599.121.906	17.665.165.056
Hàng bán bị trả lại	503.121.784	266.893.829
	18.102.243.690	**17.932.058.885**

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.879.245.269.951	1.684.496.299.303
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.958.974.244.516	2.248.592.229.449
Giá vốn của dịch vụ đã bán	11.935.421.701	6.150.995.670
	3.850.154.936.168	**3.939.239.524.422**

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	23.123.739	28.233.521
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	2.886.703	1.138.635.037
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.641.600	5.512.414
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	62.631
	27.652.042	**1.172.443.603**

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	20.108.958.509	26.419.653.971
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	2.635.200
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	556.648	-
	20.109.515.157	**26.422.289.171**

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.258.791.190	759.872.702
Chi phí nhân công	11.938.598.359	13.494.446.077
Chi phí khấu hao tài sản cố định	953.881.044	988.994.047
Chi phí dịch vụ mua ngoài	78.016.859.527	53.517.062.810
Chi phí khác bằng tiền	1.411.415.753	2.463.567.860
	93.579.545.873	**71.223.943.496**
Trong đó: Chi phí bán hàng mua của các bên liên quan *(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)*	**126.660.000**	**189.060.000**

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	736.942.386	1.720.883.742
Chi phí nhân công	14.937.573.880	15.201.472.300
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.294.866.301	2.291.993.864
Thuế, phí, lệ phí	941.949.386	867.798.284
Hoàn nhập dự phòng	(17.869.824.408)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.740.136.728	2.273.318.778
Chi phí khác bằng tiền	2.999.854.082	2.886.517.180
	6.781.498.355	**25.241.984.148**

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	318.181.818
Tiền phạt, tiền bồi thường thu được	433.984.200	630.115.000
Thuế được giảm	-	2.620.748
Thu nhập khác	50.473.650	4.656.449
	484.457.850	**955.574.015**

29 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Các khoản bị phạt	-	103.000.000
Chi phí khấu hao của ô tô có nguyên giá vượt 1,6 tỷ đồng	504.219.996	504.219.996
Tiền thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	156.000.000	156.000.000
Chi phí khác	177.754	125.634
	660.397.750	**763.345.630**

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	82.721.274.945	60.729.248.059
Các khoản điều chỉnh tăng	660.219.996	763.219.996
- *Chi phí không hợp lệ*	*660.219.996*	*763.219.996*
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(2.683.379)
- *Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm*	-	*(62.631)*
- *Thu nhập không tính thuế*	-	*(2.620.748)*
Thu nhập chịu thuế TNDN	83.381.494.941	61.489.784.676
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	**16.676.298.988**	**12.297.956.935**
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	7.287.956.935	1.002.716.391
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(10.687.956.935)	(6.012.716.391)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	**13.276.298.988**	**7.287.956.935**

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.886.963.888.315	2.211.255.089.700
Chi phí nhân công	56.255.093.739	57.098.530.522
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.854.975.164	10.544.492.413
Chi phí dịch vụ mua ngoài	101.661.512.768	73.018.032.510
Chi phí khác bằng tiền	6.385.852.034	6.297.086.352
	2.064.121.322.020	**2.358.213.231.497**

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.309.490.292	-	12.371.928.800	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	617.628.358.797	(14.879.307.790)	593.161.814.367	(32.749.132.198)
	639.937.849.089	**(14.879.307.790)**	**605.533.743.167**	**(32.749.132.198)**

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	297.938.097.273	418.193.000.643
Phải trả người bán, phải trả khác	359.402.875.328	215.212.631.085
Chi phí phải trả	1.237.051.840	1.179.632.988
	658.578.024.441	**634.585.264.716**

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.309.490.292	-	-	22.309.490.292
Phải thu khách hàng, phải thu khác	555.247.227.369	47.501.823.638	-	602.749.051.007
	577.556.717.661	**47.501.823.638**	**-**	**625.058.541.299**
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.371.928.800	-	-	12.371.928.800
Phải thu khách hàng, phải thu khác	510.848.279.877	49.564.402.292	-	560.412.682.169
	523.220.208.677	**49.564.402.292**	**-**	**572.784.610.969**

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2020				
Vay và nợ	282.638.097.273	15.300.000.000	-	297.938.097.273
Phải trả người bán, phải trả khác	356.180.974.078	3.221.901.250	-	359.402.875.328
Chi phí phải trả	1.237.051.840	-	-	1.237.051.840
	640.056.123.191	**18.521.901.250**	**-**	**658.578.024.441**
Tại ngày 01/01/2020				
Vay và nợ	394.097.762.548	24.095.238.095	-	418.193.000.643
Phải trả người bán, phải trả khác	212.424.398.835	2.788.232.250	-	215.212.631.085
Chi phí phải trả	1.179.632.988	-	-	1.179.632.988
	607.701.794.371	**26.883.470.345**	**-**	**634.585.264.716**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	Công ty con
Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	Tổng Giám đốc là vợ của Chủ tịch HĐQT Công ty

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	**89.039.745.378**	**163.812.979.686**
Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	89.039.745.378	163.812.979.686
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	**126.660.000**	**189.060.000**
Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	126.660.000	189.060.000

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu khách hàng	**18.128.995.246**	**23.664.220.194**
Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	18.128.995.246	23.664.220.194
Phải thu khác	-	**2.075.215.746**
Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	-	2.075.215.746

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	504.600.000	584.000.000
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.177.200.000	1.298.000.000

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Hoàng Thạch Phương	**Nguyễn Thị Thúy**	**Nguyễn Hữu Thể**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 30 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(đã được kiểm toán)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2500267703 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 16/03/2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Thể	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Nhi	Ủy viên
Ông Nguyễn Vinh Tuyên	Ủy viên
Ông Ngô Vi Anh Tú	Ủy viên
Ông Lê Quốc Khánh	Ủy viên
Ông Nguyễn Trọng Đắc	Ủy viên
Ông Bùi Văn Hiệu	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Thể	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Nhi	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Lộc	Trưởng ban
Ông Lê Quý Minh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hoa	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Hữu Thể
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Số: 300321.010/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được lập ngày 30 tháng 03 năm 2021, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Vũ Xuân Biển	**Lê Công Thắng**
Phó Tổng Giám đốc	Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0743-2018-002-1	Số: 4422-2019-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**1.304.532.876.887**	**1.341.859.920.851**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**3**	**23.989.910.060**	**13.405.541.314**
111	1. Tiền		23.989.910.060	13.405.541.314
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**808.493.357.229**	**904.647.966.585**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	793.158.137.806	898.778.326.255
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	11.645.725.635	15.871.718.525
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	18.568.801.578	22.747.054.003
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(14.879.307.790)	(32.749.132.198)
140	**IV. Hàng tồn kho**	**9**	**463.649.575.458**	**417.818.585.160**
141	1. Hàng tồn kho		463.649.575.458	417.818.585.160
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**8.400.034.140**	**5.987.827.792**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	1.150.130.065	2.085.140.286
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		7.249.904.075	3.902.687.506
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**400.566.232.271**	**417.037.553.238**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**47.501.823.638**	**49.564.402.292**
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	47.501.823.638	49.564.402.292
220	**II. Tài sản cố định**		**160.005.857.370**	**174.155.659.122**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	142.346.463.635	156.147.877.787
222	*- Nguyên giá*		*486.918.110.598*	*479.340.493.325*
223	*- Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(344.571.646.963)*	*(323.192.615.538)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	17.659.393.735	18.007.781.335
228	*- Nguyên giá*		*22.398.866.201*	*22.398.866.201*
229	*- Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(4.739.472.466)*	*(4.391.084.866)*
240	**IV. Tài sản dở dang dài hạn**		**46.620.873.607**	**43.940.747.487**
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	46.620.873.607	43.940.747.487
250	**V. Đầu tư tài chính dài hạn**	**4**	**119.238.508.277**	**110.583.525.837**
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		119.238.508.277	110.583.525.837
260	**VI. Tài sản dài hạn khác**		**27.199.169.379**	**38.793.218.500**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	27.199.169.379	38.793.218.500
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**1.705.099.109.158**	**1.758.897.474.089**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**947.935.955.665**	**1.065.784.175.164**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**929.414.054.415**	**1.038.900.704.819**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	469.128.027.413	342.815.577.012
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		649.768.506	347.051.897
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		16.893.888.498	12.013.688.065
314	4. Phải trả người lao động		12.103.501.095	12.941.225.925
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	2.653.446.988	3.836.100.672
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		2.517.879.954	2.097.011.319
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	785.542.452	766.894.669
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	384.220.811.140	630.376.601.995
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		40.461.188.369	33.706.553.265
330	**II. Nợ dài hạn**		**18.521.901.250**	**26.883.470.345**
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	3.221.901.250	2.788.232.250
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	15.300.000.000	24.095.238.095
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**757.163.153.493**	**693.113.298.925**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	**19**	**757.163.153.493**	**693.113.298.925**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		421.115.890.000	421.115.890.000
411a	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*421.115.890.000*	*421.115.890.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		69.835.386.699	69.835.386.699
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		43.728.699.692	39.014.416.963
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		7.876.528.392	6.464.494.460
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		214.512.450.354	156.604.807.764
421a	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*127.126.695.463*	*94.322.588.921*
421b	*LNST chưa phân phối năm nay*		*87.385.754.891*	*62.282.218.843*
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		94.198.356	78.303.039
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**1.705.099.109.158**	**1.758.897.474.089**

Võ Thị Hồng Thắm	**Nguyễn Thị Thúy**	**Nguyễn Hữu Thể**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 30 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**21**	**6.695.049.168.899**	**6.854.778.062.411**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	25.329.442.793	18.281.582.626
10	**3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**6.669.719.726.106**	**6.836.496.479.785**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	**23**	**6.408.993.090.043**	**6.611.057.507.625**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**260.726.636.063**	**225.438.972.160**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	155.037.343	1.190.262.118
22	7. Chi phí tài chính	25	30.357.546.342	41.574.858.000
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*30.325.102.468*	*41.572.040.937*
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		8.654.982.440	10.691.333.678
25	9. Chi phí bán hàng	26	104.897.745.033	77.957.215.874
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	9.486.585.120	27.204.056.937
30	**11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**124.794.779.351**	**90.584.437.145**
31	12. Thu nhập khác	28	519.662.008	955.631.235
32	13. Chi phí khác	29	685.338.020	773.220.022
40	**14. Lợi nhuận khác**		**(165.676.012)**	**182.411.213**
50	**15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**124.629.103.339**	**90.766.848.358**
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	21.670.804.867	15.576.866.125
60	**18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**102.958.298.472**	**75.189.982.233**
61	**19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ**		**102.940.637.009**	**75.179.940.135**
62	**20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát**		**17.661.463**	**10.042.098**
	ỗ phiếu	**31**	**2.221**	**1.575**

Võ Thị Hồng Thắm	**Nguyễn Thị Thúy**	**Nguyễn Hữu Thể**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 30 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	***1. Lợi nhuận trước thuế***		***124.629.103.339***	***90.766.848.358***
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		21.727.419.025	20.157.902.520
03	- Các khoản dự phòng		(17.869.824.408)	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		543.564	(62.631)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(8.697.405.580)	(11.055.545.964)
06	- Chi phí lãi vay		30.325.102.468	41.572.040.937
08	***3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***		***150.114.938.408***	***141.441.183.220***
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		111.328.217.195	(258.849.579.491)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(45.830.990.298)	(39.489.729.952)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		123.593.585.216	66.037.639.389
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		12.529.059.342	(6.972.810.060)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(30.327.306.294)	(41.575.605.521)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(14.786.866.125)	(7.874.473.787)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.675.696.500)	(2.592.640.000)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***303.944.940.944***	***(149.876.016.202)***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(8.997.164.739)	(50.211.592.022)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	318.181.818
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		42.423.140	46.030.468
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***(8.954.741.599)***	***(49.847.379.736)***
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		4.364.172.671.241	5.105.942.700.475
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(4.619.123.700.191)	(4.913.430.809.440)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(29.454.258.085)	(7.774.000)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***(284.405.287.035)***	***192.504.117.035***
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**10.584.912.310**	**(7.219.278.903)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**13.405.541.314**	**20.624.757.586**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(543.564)	62.631
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**3**	**23.989.910.060**	**13.405.541.314**

Võ Thị Hồng Thắm	**Nguyễn Thị Thúy**	**Nguyễn Hữu Thể**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 30 tháng 03 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2500267703 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 16/03/2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 421.115.890.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 421.115.890.000 đồng; tương đương 42.111.589 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 342 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 345 người).

Tổng số nhân viên của Công ty con (Công ty Cổ phần Thép Việt Đức) tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 99 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 97 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất các loại ống thép, ống inox; Sản xuất các sản phẩm từ thép; Sản xuất két bạc, tủ sắt, két sắt, thang sắt, đồ sắt tráng men; Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột tháp, cột ăng ten truyền hình…);
- Sản xuất khung bằng thép (khung nhà, kho…); Kéo dây sắt, thép; Dệt lưới thép, kim loại; Sản xuất thép không gỉ, inox;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Vận tải hành khách, hàng hóa, bê tông tươi đường bộ bằng ô tô;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận;
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki-ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Cấu trúc Tập đoàn

Công ty có 01 công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2020 là Công ty Cổ phần Thép Việt Đức. Công ty Cổ phần Thép Việt Đức có địa chỉ tại tỉnh Vĩnh Phúc, hoạt động kinh doanh chính là sản xuất tôn cán nguội và ống thép cỡ lớn. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại công ty con là 99,94%.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 18	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 08	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 05	năm
- Phần mềm quản lý	03	năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 55.056 m2 đất tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 50 năm đến hết 04/12/2051;
- Quyền sử dụng 2.720 m2 đất tại Thị Trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng 1.577 m2 đất tại phường Khai Quang và phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng đất 330 m2 tại Khu biệt thự nhà vườn, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao;

- Quyền sử dụng đất 270,3 m2 tại BT5-C12A, Lô BT 101-Khu BT5, dự án đầu tư Khu đô thị mới Bắc An Khánh, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao;
- Quyền sử dụng đất 270,3 m2 tại BT5-C12B, Lô BT 101-Khu BT5, dự án đầu tư Khu đô thị mới Bắc An Khánh, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao.

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.15 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu bao gồm doanh thu cho thuê văn phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.22 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,… được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí đi vay vốn; các khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái… Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Chính sách ưu đãi thuế

Công ty con là Công ty Cổ phần Thép Việt Đức đang trong thời gian được hưởng ưu đãi đầu tư đối với hoạt động sản xuất theo Giấy chứng nhận đầu tư do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc cấp, cụ thể: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng là 15% trong vòng 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh (năm 2009). Được miễn thuế 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2009) và giảm 50% số thuế phải nộp trong vòng 07 (bảy) năm tiếp theo. Năm 2020 là năm thứ 12 công ty được áp dụng thuế suất 15%.

c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty mẹ hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% và công ty con hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 15% đối với hoạt động sản xuất kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

2.25 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 . Thông tin bộ phận

Do Công ty mẹ và công ty con chỉ hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các sản phẩm về thép và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	553.866.375	181.546.857
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.436.043.685	13.223.994.457
	23.989.910.060	**13.405.541.314**

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2020			01/01/2020		
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
			VND			VND
Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức	28,60%	28,60%	119.238.508.277	28,60%	28,60%	110.583.525.837
			119.238.508.277			**110.583.525.837**

Công ty liên kết có địa chỉ trụ sở chính tại tỉnh Vĩnh Phúc. Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong năm xem thuyết minh số 35.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty Cổ phần XNK và Thương mại Tổng hợp Miền Bắc	315.480.693.769	-	231.737.465.011	-
Công ty TNHH Thép Nam Châm	81.539.278.090	-	203.204.113.628	-
Công ty Phúc Tiến (TNHH)	51.174.967.251	-	55.552.035.781	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Việt Đức	121.004.090.840	-	91.358.987.075	-
Công ty Cổ phần Thương mại HPM	64.035.973.100	-	93.607.038.280	-
Phải thu khách hàng khác	159.923.134.756	(14.879.307.790)	223.318.686.480	(32.749.132.198)
	793.158.137.806	**(14.879.307.790)**	**898.778.326.255**	**(32.749.132.198)**
b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	18.128.995.246	**-**	**23.664.220.194**	**-**

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây Dựng Quang Minh	1.137.000.000	-	1.137.000.000	-
Công Ty TNHH Kiến Trúc ACT Việt Nam	5.394.256.677	-	4.794.256.677	-
Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Thiết Kế Reenco Việt Nam	1.056.810.000	-	1.056.810.000	-
Công ty TNHH Sản xuất Cầu trục và Kết cấu Công	-	-	1.600.000.000	-
Trả trước cho người bán khác	4.057.658.958	-	7.283.651.848	-
	11.645.725.635	**-**	**15.871.718.525**	**-**

7 . PHẢI THU KHÁC

		31/12/2020		01/01/2020	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
a)	**Ngắn hạn**				
	Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	1.194.000	-
	Phải thu về bảo hiểm y tế	-	-	176.000	-
	Tạm ứng	3.637.412.245	-	5.060.658.560	-
	Ký cược, ký quỹ	14.727.000.000	-	17.175.980.750	-
	Phải thu khác	204.389.333	-	509.044.693	-
		18.568.801.578	**-**	**22.747.054.003**	**-**
b)	**Dài hạn**				
	Phải thu UBND Huyện Bình Xuyên (*)	441.580.000	-	441.580.000	-
	BQL đầu tư Xây dựng huyện Bình Xuyên (*)	47.060.243.638	-	49.122.822.292	-
		47.501.823.638	**-**	**49.564.402.292**	**-**

(*): Đây là tiền chi trả bồi thường giải phóng mặt bằng theo phương án đã được phê duyệt của khu đô thị VietDuc Lengend City giai đoạn I (23,6ha) sẽ được trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp của khu đô thị. (Thông tin về dự án xem chi tiết tại thuyết minh số 10).

8 . NỢ XẤU

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Thiên Phúc Lộc	-	-	23.483.003.750	-
- Công ty TNHH Quốc Dũng	11.817.847.549	8.272.493.284	-	-
- Công ty TNHH Phúc Tấn	4.135.650.153	2.067.825.076	-	-
- Công ty TNHH Trường Quang	9.266.128.448	-	9.266.128.448	-
	25.219.626.150	**10.340.318.360**	**32.749.132.198**	**-**

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	308.913.144.255	-	233.187.395.195	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.093.009.471	-	11.269.556.405	-
Thành phẩm	146.643.421.732	-	173.361.633.560	-
	463.649.575.458	**-**	**417.818.585.160**	**-**

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	**46.620.873.607**	**43.940.747.487**
- Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh [(1)]	8.574.545.454	8.574.545.454
- Dự Án VietDuc Legend City [(2)]	38.046.328.153	35.366.202.033
	46.620.873.607	**43.940.747.487**

Thông tin chi tiết về các dự án:

(1): Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Ống Thép Việt - Đức VG PIPE;
- Mục đích đầu tư: Đầu tư kinh doanh;
- Địa điểm: Khu đô thị Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội;
- Nguồn vốn đầu tư: Sử dụng nguồn vốn của Công ty cũng như các nguồn vốn huy động hợp pháp khác;
- Mô tả dự án: Theo đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 5092/QĐ-UBND ngày 31/7/2017, lô đất CC4 có sự điều chỉnh chức năng sử dụng đất từ dịch vụ thương mại chuyển sang đất công cộng đơn vị ở; diện tích đất từ 4.716m2 xuống còn 4.248m2; mật độ xây dựng tối đa từ 34% lên 40%; tầng cao tối đa là 5 tầng; hệ số sử dụng đất từ 1,7 lần lên 2 lần;
- Chi phí tập hợp: Chi phí tập hợp là toàn bộ chi phí chuyển giao hạ tầng lô đất CC4 tại khu đô thị mới Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội theo hợp đồng kinh tế số 16/HUD/-SGDBĐS ngày 29/02/2010 ký với Tổng Công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị.

(2): Dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City

- Chủ đầu tư: Công ty CP Ống Thép Việt - Đức VG PIPE;
- Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng mới khu đô thị và nhà ở cho người thu nhập thấp, cán bộ công nhân viên, hiện đại và đồng bộ về hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội;
- Địa điểm: Thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Quy mô dự án: Tổng quỹ đất thực hiện dự án là 62,17ha. Diện tích giai đoạn I đã được chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện là 23,6ha;
- Nguồn vốn đầu tư: Sử dụng nguồn vốn của Công ty cũng như các nguồn vốn huy động hợp pháp khác;
- Tình trạng dự án: Tiếp tục triển khai giải phóng mặt bằng phần diện tích còn lại giai đoạn I; chuẩn bị triển khai thi công xây dựng cơ sở hạ tầng đối phần diện tích đã được UBND tỉnh Vĩnh Phúc giao đất.
- Thông tin pháp lý:

+ Quyết định chấp thuận đầu tư số 2204/QĐ-UBND ngày 10/08/2010 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
+ Công văn số 2124/TTG-KTN ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ đồng ý cho Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án giai đoạn 1 với diện tích 23,6ha.
+ Quyết định số 3156/QĐ-UBND của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về phê duyệt điều chỉnh QHCT 1/500 Khu đô thị Việt Đức Lengend City tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc (lần 1).
+ Quyết định số 1829/QĐ-UBND về việc giao đất (đợt 1) cho Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG-PIPE thực hiện dự án: Khu đô thị Việt Đức Legend-City tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	**Cộng**
	VND	VND	VND	VND	**VND**
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	201.204.389.774	247.419.538.793	29.117.990.040	1.598.574.718	479.340.493.325
- Mua trong năm	-	-	7.577.617.273	-	7.577.617.273
Số dư cuối năm	**201.204.389.774**	**247.419.538.793**	**36.695.607.313**	**1.598.574.718**	**486.918.110.598**
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	66.831.784.167	230.836.886.935	23.925.369.718	1.598.574.718	323.192.615.538
- Khấu hao trong năm	10.654.718.300	7.353.595.602	3.370.717.523	-	21.379.031.425
Số dư cuối năm	**77.486.502.467**	**238.190.482.537**	**27.296.087.241**	**1.598.574.718**	**344.571.646.963**
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	134.372.605.607	16.582.651.858	5.192.620.322	-	156.147.877.787
Tại ngày cuối năm	**123.717.887.307**	**9.229.056.256**	**9.399.520.072**	-	**142.346.463.635**

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 73.867.218.473 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 241.031.513.395 đồng.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	22.295.441.201	103.425.000	22.398.866.201
Số dư cuối năm	**22.295.441.201**	**103.425.000**	**22.398.866.201**
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	4.287.659.866	103.425.000	4.391.084.866
- Khấu hao trong năm	348.387.600	-	348.387.600
Số dư cuối năm	**4.636.047.466**	**103.425.000**	**4.739.472.466**
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	18.007.781.335	-	18.007.781.335
Tại ngày cuối năm	**17.659.393.735**	**-**	**17.659.393.735**

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

		31/12/2020	01/01/2020
		VND	VND
a)	**Ngắn hạn**		
	Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	1.210.516.630
	Chi phí quảng cáo	1.150.130.065	791.290.323
	Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	83.333.333
		1.150.130.065	**2.085.140.286**
b)	**Dài hạn**		
	Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất	5.529.223.973	5.705.688.569
	Chi phí thuê kho, thuê văn phòng	2.880.000.000	6.120.000.000
	Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	8.982.355.573	16.931.012.289
	Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	7.689.616.400	9.549.760.956
	Chi phí quảng cáo	1.623.760.468	486.756.686
	Chi phí trả trước dài hạn khác	494.212.965	-
		27.199.169.379	**38.793.218.500**

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Thương mại HPM	90.951.540.449	90.951.540.449	87.986.126.779	87.986.126.779
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Việt Đức	100.111.750.447	100.111.750.447	67.909.931.605	67.909.931.605
Công ty TNHH Khoáng sản và luyện kim Việt	-	-	66.943.957.321	66.943.957.321
Công ty TNHH Thép Nam Châm	20.129.886.491	20.129.886.491	24.307.248.450	24.307.248.450
Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	117.442.204.805	117.442.204.805	-	-
Phải trả các đối tượng khác	140.492.645.221	140.492.645.221	95.668.312.857	95.668.312.857
	469.128.027.413	**469.128.027.413**	**342.815.577.012**	**342.815.577.012**

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	35.487.889	37.691.715
- Trích trước tiền điện	1.808.959.099	3.139.408.957
- Chi phí phải trả khác	809.000.000	659.000.000
	2.653.446.988	**3.836.100.672**

16 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	450.999.680	487.995.800
- Bảo hiểm bắt buộc	8.255.200	3.829.650
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	281.177.538	257.323.323
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	45.110.034	17.745.896
	785.542.452	**766.894.669**
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.221.901.250	2.788.232.250
	3.221.901.250	**2.788.232.250**
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan	**27.500.000**	**27.500.000**

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	2.660.684.676	115.356.267.361	117.337.287.815	-	679.664.222
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	291.122.727	291.122.727	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	9.216.866.125	21.670.804.867	14.786.866.125	-	16.100.804.867
Thuế Thu nhập cá nhân	-	136.137.264	2.286.549.502	2.309.267.357	-	113.419.409
Thuế Tài nguyên	-	-	14.348.000	14.348.000	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	977.231.547	977.231.547	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	11.800.000	11.800.000	-	-
	-	**12.013.688.065**	**140.608.124.004**	**135.727.923.571**	**-**	**16.893.888.498**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2020		Trong năm		31/12/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn Ngân hàng	**629.171.840.090**	**629.171.840.090**	**4.364.172.671.241**	**4.617.123.700.191**	**376.220.811.140**	**376.220.811.140**
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên (1)	485.609.418.179	485.609.418.179	3.179.135.420.970	3.363.500.000.000	301.244.839.149	301.244.839.149
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Xuyên (2)	112.065.388.251	112.065.388.251	849.536.397.101	886.625.813.361	74.975.971.991	74.975.971.991
- Ngân hàng TMCP Quốc Tế - Chi nhánh Vĩnh Phúc	29.097.033.660	29.097.033.660	284.154.143.560	313.251.177.220	-	-
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	19.900.000.000	19.900.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	2.400.000.000	2.400.000.000	31.446.709.610	33.846.709.610	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	**1.204.761.905**	**1.204.761.905**	**8.000.000.000**	**1.204.761.905**	**8.000.000.000**	**8.000.000.000**
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên (3)	1.204.761.905	1.204.761.905	8.000.000.000	1.204.761.905	8.000.000.000	8.000.000.000
	630.376.601.995	**630.376.601.995**	**4.372.172.671.241**	**4.618.328.462.096**	**384.220.811.140**	**384.220.811.140**
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên (4)	25.300.000.000	25.300.000.000	-	2.000.000.000	23.300.000.000	23.300.000.000
	25.300.000.000	**25.300.000.000**	**-**	**2.000.000.000**	**23.300.000.000**	**23.300.000.000**
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(1.204.761.905)	(1.204.761.905)	(8.000.000.000)	(1.204.761.905)	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	**24.095.238.095**	**24.095.238.095**			**15.300.000.000**	**15.300.000.000**

Thông tin chi tiết về các khoản vay ngắn hạn:

Đơn vị tính: VND

TT	Ngân hàng/Số hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn	Lãi suất	Dư nợ tại 31/12/2020	Hình thức bảo đảm
1	**Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên**					**301.244.839.149**	
	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/1509578/HĐTD ngày 19/11/2018, hợp đồng hạn mức sửa đổi ngày 16/01/2021	500.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	Từ ngày 16/01/2021 đến ngày 15/04/2021	Áp dụng lãi suất thả nổi	199.662.125.282	Tài sản đảm bảo
	Hợp đồng tín dụng hạn mức số .../2020/1853346/HĐTD ngày 16 tháng 01 năm 2020	400.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng, đến hết ngày 15/01/2021	Quy định trên từng Giấy nhận nợ và điều chỉnh theo Thông báo	101.582.713.867	Tài sản đảm bảo
2	**Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Xuyên**					**74.975.971.991**	
	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 20.093.0001/2020 – HĐCVHM/NHCT262 – ONG THEP VIET DUC ngày 01/12/2021	200.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sắt, thép	Từ ngày 01/12/2021 đến hết ngày 30/11/2021	Áp dụng lãi suất thả nổi	74.975.971.991	Tài sản đảm bảo
	Tổng cộng					**376.220.811.140**	

Thông tin chi tiết về các khoản vay ngắn hạn:

Đơn vị tính: VND

TT	Ngân hàng/Số hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn	Lãi suất	Dư nợ tại 31/12/2020	Hình thức bảo đảm
1	**Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên**					**301.244.839.149**	
	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/1509578/HĐTD ngày 19/11/2018, hợp đồng hạn mức sửa đổi ngày 16/01/2021	500.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	Từ ngày 16/01/2021 đến ngày 15/04/2021	Áp dụng lãi suất thả nổi	199.662.125.282	Tài sản đảm bảo
	Hợp đồng tín dụng hạn mức số .../2020/1853346/HĐTD ngày 16 tháng 01 năm 2020	400.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng, đến hết ngày 15/01/2021	Quy định trên từng Giấy nhận nợ và điều chỉnh theo Thông báo	101.582.713.867	Tài sản đảm bảo
2	**Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Xuyên**					**74.975.971.991**	
	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 20.093.0001/2020 – HĐCVHM/NHCT262 – ONG THEP VIET DUC ngày 01/12/2021	200.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sắt, thép	Từ ngày 01/12/2021 đến hết ngày 30/11/2021	Áp dụng lãi suất thả nổi	74.975.971.991	Tài sản đảm bảo
	Tổng cộng					**376.220.811.140**	

Thông tin chi tiết về các khoản vay ngắn hạn:

Đơn vị tính: VND

TT	Ngân hàng/Số hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn	Lãi suất	Dư nợ tại 31/12/2020	Hình thức bảo đảm
1	**Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên**					**301.244.839.149**	
	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/1509578/HĐTD ngày 19/11/2018, hợp đồng hạn mức sửa đổi ngày 16/01/2021	500.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	Từ ngày 16/01/2021 đến ngày 15/04/2021	Áp dụng lãi suất thả nổi	199.662.125.282	Tài sản đảm bảo
	Hợp đồng tín dụng hạn mức số .../2020/1853346/HĐTD ngày 16 tháng 01 năm 2020	400.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng, đến hết ngày 15/01/2021	Quy định trên từng Giấy nhận nợ và điều chỉnh theo Thông báo	101.582.713.867	Tài sản đảm bảo
2	**Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Xuyên**					**74.975.971.991**	
	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 20.093.0001/2020 – HĐCVHM/NHCT262 – ONG THEP VIET DUC ngày 01/12/2021	200.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sắt, thép	Từ ngày 01/12/2021 đến hết ngày 30/11/2021	Áp dụng lãi suất thả nổi	74.975.971.991	Tài sản đảm bảo
	Tổng cộng					**376.220.811.140**	

Thông tin chi tiết về các khoản vay dài hạn:

Đơn vị tính: VND

TT	Ngân hàng/Số hợp đồng	Số tiền vay	Mục đích vay	Thời hạn	Lãi suất	Dư nợ tại 31/12/2020	Nợ phải trả trong 12 tháng tới	Hình thức bảo đảm
1	**Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên**					**23.300.000.000**	**8.000.000.000**	
	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2019/1509578/HĐTD ngày 27/09/2019.	42.000.000.000	Đầu tư toà nhà văn phòng và trung tâm thương mại phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty	72 tháng	Áp dụng lãi suất thả nổi	23.300.000.000	8.000.000.000	Tài sản đảm bảo
	Tổng cộng					**23.300.000.000**	**8.000.000.000**	

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	**VND**
Số dư đầu năm trước	**375.997.100.000**	**69.835.386.699**	**35.789.986.640**	**5.661.628.693**	**139.441.378.920**	**69.265.152**	**626.794.746.104**
Tăng vốn trong năm trước	45.118.790.000	-	-	-	(45.118.790.000)	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	75.179.940.135	10.042.098	75.189.982.233
Phân phối lợi nhuận tại công ty mẹ	-	-	2.421.564.556	-	(9.686.258.224)	-	(7.264.693.668)
Phân phối lợi nhuận tại công ty con	-	-	802.865.767	802.865.767	(3.211.463.068)	(1.004.210)	(1.606.735.744)
Giảm khác	-	-	-	-	1	(1)	-
Số dư cuối năm trước	**421.115.890.000**	**69.835.386.699**	**39.014.416.963**	**6.464.494.460**	**156.604.807.764**	**78.303.039**	**693.113.298.925**
Số dư đầu năm nay	**421.115.890.000**	**69.835.386.699**	**39.014.416.963**	**6.464.494.460**	**156.604.807.764**	**78.303.039**	**693.113.298.925**
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	102.940.637.009	17.661.463	102.958.298.472
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(29.478.112.300)	-	(29.478.112.300)
Phân phối lợi nhuận tại công ty mẹ (**)	-	-	3.302.248.798	-	(9.906.746.394)	-	(6.604.497.596)
Phân phối lợi nhuận tại công ty con (***)	-	-	1.412.033.931	1.412.033.931	(5.648.135.724)	(1.766.146)	(2.825.834.008)
Giảm khác	-	-	-	1	(1)	-	-
Số dư cuối năm nay	**421.115.890.000**	**69.835.386.699**	**43.728.699.692**	**7.876.528.392**	**214.512.450.354**	**94.198.356**	**757.163.153.493**

(*) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ-VGS ngày 28 tháng 03 năm 2020, Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chia cổ tức năm 2019 bằng 7%/vốn điều lệ tương ứng số tiền 29.478.112.300 đồng, hình thức chi trả bằng tiền mặt.

(**): Căn cứ theo điều lệ, Công ty mẹ trích lập các quỹ từ nguồn lợi nhuận năm 2020 như sau:
- Trích Quỹ đầu tư phát triển số tiền: 3.302.248.798 đồng (tương ứng 5% lợi nhuận sau thuế năm 2020);
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi số tiền: 6.604.497.596 đồng (tương ứng 10% lợi nhuận sau thuế năm 2020).

(***): Căn cứ theo điều lệ, Công ty con trích lập các quỹ từ nguồn lợi nhuận năm 2020 như sau:
- Trích Quỹ đầu tư phát triển số tiền: 1.412.917.004 đồng (tương đương 5% lợi nhuận sau thuế);
- Trích Quỹ đầu khác thuộc Vốn chủ sở hữu số tiền: 1.412.917.004 đồng (tương đương 5% lợi nhuận sau thuế);
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi số tiền: 2.825.834.008 đồng (tương đương 10% lợi nhuận sau thuế).

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Ông Lê Minh Hải	20,18%	85.000.000.000	20,18%	85.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	10,75%	45.250.000.000	10,75%	45.250.000.000
Bà Nguyễn Thị Nhi	5,60%	23.585.200.000	5,60%	23.585.200.000
Bà Lê Khánh Huyền	8,24%	34.700.000.000	8,24%	34.700.000.000
Ông Lê Quốc Khánh	5,15%	21.700.000.000	5,15%	21.700.000.000
Các cổ đông khác	50,08%	210.880.690.000	50,08%	210.880.690.000
	100%	**421.115.890.000**	**100%**	**421.115.890.000**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- *Vốn góp đầu năm*	*421.115.890.000*	*375.997.100.000*
- *Vốn góp tăng trong năm*	-	*45.118.790.000*
- *Vốn góp cuối năm*	*421.115.890.000*	*421.115.890.000*
- *Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm*	*257.323.323*	*265.097.323*
- *Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm*	*29.478.112.300*	*45.118.790.000*
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	29.478.112.300	45.118.790.000
- *Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền*	*(29.454.258.085)*	*(7.774.000)*
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(29.454.258.085)	(7.774.000)
- *Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng cổ phiếu*	-	*(45.118.790.000)*
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	(45.118.790.000)
- *Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm*	*281.177.538*	*257.323.323*

d) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	42.111.589	42.111.589
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	42.111.589	42.111.589
- *Cổ phiếu phổ thông*	*42.111.589*	*42.111.589*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	42.111.589	42.111.589
- *Cổ phiếu phổ thông*	*42.111.589*	*42.111.589*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Quỹ đầu tư phát triển	43.728.699.692	39.014.416.963
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	7.876.528.392	6.464.494.460
	51.605.228.084	**45.478.911.423**

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	31/12/2020	01/01/2020
- Đồng đô la Mỹ (USD)	2.593,98	2.717,25

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	2.843.692.749.342	2.620.003.176.681
Doanh thu bán thành phẩm	3.839.704.154.195	4.222.079.677.550
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.652.265.362	12.695.208.180
	6.695.049.168.899	**6.854.778.062.411**
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan	**89.039.745.378**	**163.812.979.686**

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	24.630.763.829	17.665.165.056
Hàng bán bị trả lại	503.121.784	266.893.829
Giảm giá hàng bán	195.557.180	349.523.741
	25.329.442.793	**18.281.582.626**

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.828.842.428.404	2.595.902.351.049
Giá vốn của thành phẩm đã bán	3.568.215.239.938	4.009.004.160.906
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	11.935.421.701	6.150.995.670
	6.408.993.090.043	**6.611.057.507.625**

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	42.423.140	46.030.468
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	5.086.703	1.138.635.037
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	107.514.416	5.533.982
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	13.084	62.631
	155.037.343	**1.190.262.118**

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	30.325.102.468	41.572.040.937
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	31.887.226	2.817.063
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	556.648	-
	30.357.546.342	**41.574.858.000**

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.258.791.190	831.604.433
Chi phí nhân công	14.449.630.624	16.043.568.716
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.206.881.040	1.241.994.047
Chi phí dịch vụ mua ngoài	86.453.717.245	57.156.251.644
Chi phí khác bằng tiền	1.528.724.934	2.683.797.034
	104.897.745.033	**77.957.215.874**

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	736.942.386	1.720.883.742
Chi phí nhân công	16.039.336.092	16.246.141.789
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.459.548.145	2.472.934.780
Thuế, phí, lệ phí	1.060.892.888	1.273.976.353
Hoàn nhập dự phòng	(17.869.824.408)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.039.505.935	2.468.073.093
Chi phí khác bằng tiền	3.020.184.082	3.022.047.180
	9.486.585.120	**27.204.056.937**

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	318.181.818
Tiền phạt, tiền bồi thường thu được	433.984.200	630.115.000
Thu nhập khác	85.677.808	7.334.417
	519.662.008	**955.631.235**

29 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Các khoản bị phạt và truy thu	-	103.000.000
Chi phí khấu hao của ô tô có nguyên giá vượt 1,6 tỷ đồng	504.219.996	504.219.996
Tiền thù lao HĐQT, BKS	156.000.000	156.000.000
Chi phí khác	25.118.024	10.000.026
	685.338.020	**773.220.022**

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	16.676.298.988	12.297.956.935
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Thép Việt Đức	4.994.505.879	3.278.909.190
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**21.670.804.867**	**15.576.866.125**
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	9.216.866.125	1.514.473.787
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(14.786.866.125)	(7.874.473.787)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	**16.100.804.867**	**9.216.866.125**

31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	102.940.637.009	75.179.940.135
Các khoản điều chỉnh	(9.420.522.416)	(8.870.425.202)
- *Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế (*)*	*(9.420.522.416)*	*(8.870.425.202)*
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	93.520.114.593	66.309.514.933
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	42.111.589	42.111.589
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**2.221**	**1.575**

(*) Thông tin chi tiết tại thuyết minh số 19.

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.458.783.734.114	3.833.587.347.337
Chi phí nhân công	73.122.027.643	74.520.543.047
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.223.199.029	20.157.902.520
Chi phí dịch vụ mua ngoài	122.738.661.937	153.182.792.265
Chi phí khác bằng tiền	6.642.434.717	6.998.109.333
	3.682.510.057.440	**4.088.446.694.502**

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.989.910.060	-	13.405.541.314	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	859.228.763.022	(14.879.307.790)	971.089.782.550	(32.749.132.198)
	883.218.673.082	**(14.879.307.790)**	**984.495.323.864**	**(32.749.132.198)**

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	399.520.811.140	654.471.840.090
Phải trả người bán, phải trả khác	473.135.471.115	346.370.703.931
Chi phí phải trả	2.653.446.988	3.836.100.672
	875.309.729.243	**1.004.678.644.693**

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.989.910.060	-	-	23.989.910.060
Phải thu khách hàng, phải thu khác	796.847.631.594	47.501.823.638	-	844.349.455.232
	820.837.541.654	**47.501.823.638**	**-**	**868.339.365.292**
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.405.541.314	-	-	13.405.541.314
Phải thu khách hàng, phải thu khác	888.776.248.060	49.564.402.292	-	938.340.650.352
	902.181.789.374	**49.564.402.292**	**-**	**951.746.191.666**

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2020				
Vay và nợ	384.220.811.140	15.300.000.000	-	399.520.811.140
Phải trả người bán, phải trả khác	469.913.569.865	3.221.901.250	-	473.135.471.115
Chi phí phải trả	2.653.446.988	-	-	2.653.446.988
	856.787.827.993	**18.521.901.250**	-	**875.309.729.243**
Tại ngày 01/01/2020				
Vay và nợ	630.376.601.995	24.095.238.095	-	654.471.840.090
Phải trả người bán, phải trả khác	343.582.471.681	2.788.232.250	-	346.370.703.931
Chi phí phải trả	3.836.100.672	-	-	3.836.100.672
	977.795.174.348	**26.883.470.345**	-	**1.004.678.644.693**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	Tổng Giám đốc là vợ của Chủ tịch HĐQT Công ty
Ông Nguyễn Hữu Thể	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Nhi	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	**89.039.745.378**	**163.812.979.686**
Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	89.039.745.378	163.812.979.686
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	**301.157.588**	**359.036.630**
Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	126.660.000	189.060.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức	174.497.588	169.976.630

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng	**18.128.995.246**	**23.664.220.194**
Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	18.128.995.246	23.664.220.194
Phải trả khác	**27.500.000**	**27.500.000**
Ông Nguyễn Hữu Thể	13.750.000	13.750.000
Bà Nguyễn Thị Nhi	13.750.000	13.750.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	504.600.000	584.000.000
Thu nhập của các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.177.200.000	1.298.000.000

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Võ Thị Hồng Thắm	**Nguyễn Thị Thúy**	**Nguyễn Hữu Thể**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 30 tháng 03 năm 2021

VG PIPE®

ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC

VIETNAM GERMANY STEEL PIPE.J.S.C

TRỤ SỞ CHÍNH (Head quarter)

- Địa chỉ: KCN Bình Xuyên, Vĩnh Phúc/Binhxuyen Industrial Zone, VinhPhuc Province
- Tel: +84 (0211) 3887 863 * Fax: +84 (0211) 3887 912
- Website: www.vgpipe.com.vn

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI HÀ NỘI (Hanoi representative office)

- Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà SIMCO, đường Phạm Hùng, Hà Nội (3th floor, SIMCO building, Phamhung street, Hanoi.
- Tel: +84 (04) 3785 0088 * Fax: +84 (04) 3785 0066

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI ĐÀ NẴNG (Danang representative office)

- Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng (1A Road, Hoa Vang district)
- Tel: +84 (0511) * Fax: +84 (0511)

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI MIỀN NAM (Southern representative office)

- Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Bến Lức, Long An/Ben Luc, Long An province
- Tel: +84 (0272) 3644 199 * Fax: +84 (0272) 3644 196